

STT	Mã mới đầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
850	GR.101	Hộp hấp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ	Cái	1,00	-	Hộp tiệt trùng và bảo quản dụng cụ, bằng nhựa, có đục lỗ, nắp trong suốt, thân silicone. Kích thước ngoài: 513 x 238 x 63 cm - Kích thước (Dài x rộng x cao): 750x350x250mm ±3% - Thân xe: kết cấu bằng cốt thép, làm bằng thép phủ sơn tĩnh điện, khung xe chắc chắn, các mặt của xe (bao gồm cả mặt phẳng bên) được làm bằng nhựa ABS chống nhiễm khuẩn, chống mài mòn, chống ăn mòn và oxy hóa. - Xe có 05 ngăn kéo (02 ngăn kéo nhỏ, 02 ngăn kéo kích thước vừa và 01 ngăn kéo có kích thước lớn) được thiết kế với hệ thống trượt nhẹ nhàng - Bánh xe: 04 cái, loại bánh đúc đường kính bánh xe từ Ø 95 - 100mm, trong đó có tối thiểu 02 bánh có khóa. - Có tay đẩy - Màu sắc chủ đạo: Xanh dương, xám, đỏ. - Công suất tải trọng của ngăn kéo: ≥21kg - Tổng công suất tải trọng: ≥80kg - Phụ kiện đi kèm: + 02 thùng rác có nắp đậy đặt ở 2 bên, mỗi bên có 01 thùng. 1 bên 01 thùng nắp trắng, 1 bên 01 thùng nắp vàng, làm bằng nhựa cứng, dung tích tổng ≥ 4 lít + 01 Cốc truyền + 01 Bàn viết cho y tá. + 01 Tăm CPR + 01 Ô điện. + 01 Giá đỡ cho monitor. + 01 Hộp nhựa dùng để đựng chai thái y tế hoặc kim tiêm đã qua sử dụng. + 01 Lưới đỡ dưới để kê bàn mổ và xe	Việt Nam	Thiết bị y tế	35.100.000,00	288.000.000,00	72.000.000
852	GR.83	Mở cửa Inox	Cái	50,00	15,00	- Kích thước khoảng 13cm - Chiều dài kẹp đầu mũi dài khoảng 5cm - Tay cầm trong trơn trượt - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	578.000,00	28.900.000,00	8.670.000
853		Bình chứa với soda cho máy gây mê	Cái	5,00	1,00	- Bình hấp thu có tay cầm - Chứa tới 800 gram chất hấp thu - Sử dụng với bình bơm nhiều loại khí - Vật liệu trong suốt, sử dụng đúng nhiều lần Tương thích với máy gây mê như Aespire 7100, Aespire 7900, Avance, Avance CS2, Aisys, Aisys CS2 của hãng GE	77 hoặc Châu Âu	Không phải BHYT	18.680.000,00	93.400.000,00	18.680.000
854	GR.1	Hộp hấp tiệt khuẩn dụng cụ	Cái	5,00	1,00	- Khay hấp statim 3000 loại tiêu chuẩn tương thích với máy hấp tiệt trùng nhanh Statim 5000 (Dent4you) - Làm từ thép không gỉ - Kích thước bên ngoài: Dài 49,5 cm (bao gồm tay cầm) x Rộng 19,5 cm x Cao 8 cm	Không yêu cầu	Không phải BHYT	41.195.000,00	205.975.000,00	41.195.000
855		Giường hấp tiệt khuẩn máy hấp Statim	Cái	15,00	4,00	- Giường cho hộp hấp tiệt trùng tương thích với các hộp hấp cho máy hấp tiệt trùng nhanh Statim 5000 (Dent4you) - Làm bằng vật liệu silicone - Kích thước: 7 - 3/4" x 15 - 3/4"	Không yêu cầu	Không phải BHYT	6.615.000,00	99.225.000,00	26.460.000
856	G12.17	Nút cao su đầu trocar 11mm	Cái	30,00	9,00	Nút cao su đầu trocar cỡ 10mm nối với, dùng với Trocar cỡ 11mm của hãng Karl Storz(Đức)	Không yêu cầu	Không phải BHYT	241,00	7.230,00	2.169
857	G12.18	Nút cao su đầu trocar 6 mm	Cái	60,00	18,00	Nút cao su đầu trocar cỡ 5 mm, dùng với trocar cỡ 6mm của hãng Karl Storz(Đức)	Không yêu cầu	Không phải BHYT	241,00	14.460,00	4.338

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
858	G12.19	Zăng cao su mũ khế	Cái	10,00	3,00	Zăng cao su mũ khế cỡ 6mm, chất liệu silicon, có thể hấp tiệt trùng và dùng với Trocar nhựa xoắn cỡ 6mm của hãng Karl Storz (Đức)	Không yêu cầu	Không phải TBVT	241,00	2.410,00	723
859	G12.224	Vỏ xilanh hút mảnh cắt tiết niệu	Cái	2,00	-	Vỏ xilanh hút mảnh cắt tiết niệu, dùng với Xilanh hút mảnh cắt đường kính 130ml của hãng Karl Storz (Đức) hoặc bộ nối sợi cắt u xơ tiền liệt tuyến có sẵn tại bệnh viện	Không yêu cầu	Không phải TBVT	10.696.500,00	21.393.000,00	-
860	GR.25	Mỏc rây	Cái	5,00	1,00	- Kích thước: khoảng 13cm - Chất liệu: inox 304 - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Việt Nam	Không phải TBVT	51.000,00	255.000,00	51.000
861	GR.114	Bát inox phủ 10	Cái	57,00	17,00	- Kích thước phủ 10cm - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	48.500,00	2.764.500,00	824.500
862	G12.164	Bát inox phủ 14	Cái	5,00	1,00	- Kích thước phủ 14cm - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	53.000,00	265.000,00	53.000
863	G12.165	Bát inox phủ 16	Cái	5,00	1,00	- Kích thước phủ 16cm - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	61.000,00	305.000,00	61.000
864	GR.27	Bát inox phủ 20	Cái	5,00	1,00	- Kích thước phủ 20cm - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	81.000,00	405.000,00	81.000
865	G3.94	Bát inox phủ 22	Cái	5,00	1,00	- Kích thước phủ 22cm - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	86.500,00	432.500,00	86.500
866	G12.162	Bát inox phủ 8	Cái	23,00	6,00	- Kích thước phủ 8cm - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	45.500,00	1.046.500,00	273.000
867	G12.181	Hộp inox KT 220x110x50 mm	Cái	1,00	-	- Kích thước: 220x110x50mm; - Vật liệu: thép không gỉ; - Bề mặt: sáng bóng.	Việt Nam	Không phải TBVT	254.000,00	254.000,00	-
868		Kiểm sinh thiết Sản khoa	Cái	5,00	1,00	- Kích thước: khoảng 26cm, kẹp cong hình chữ V - Đầu kẹp gồm 2 hàm có thể mở ra - khép lại, tạo thành 3 khoảng nhỏ bên trong để giữ mẫu mô. - Bề mặt hàn kẹp trơn, không răng - Chất liệu: thép không gỉ - Hấp sấy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.072.000,00	5.360.000,00	1.072.000
869	G12.178	Khuy chữ nhật inox 20x30cm	Cái	10,00	3,00	- Kích thước: 250x200x30mm - Inox 304	Việt Nam	Không phải TBVT	127.000,00	1.270.000,00	381.000
870		Pipet 1000ul (Điều chỉnh được)	Cái	1,00	-	Pipette đơn kênh dung tích thể tích từ 20 – 200 µl, với đặc tính kỹ thuật cụ thể như sau: - Piston được làm từ chất liệu Fortron đặc biệt siêu nhẹ có thể kháng lại nhiệt độ, hóa chất tẩy rửa, nước muối, sự mài mòn.... - Khối lượng được toàn bộ pipette. - Dải thể tích cho pipette đơn kênh điều chỉnh thể tích: 0.1 µl - 10 ml (gồm nhiều dải thể tích khác nhau) - Hiện thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích (đối với pipette điều chỉnh thể tích) - Bề mặt ngoài phía trên được phủ: polypropylene (PP), polycarbonate (PC), polyetherimide (PEI) - Màu sắc nút ấn thể hiện màu sắc đầu tip - Có thể điều chỉnh pipette để phù hợp với nhiều loại chất lỏng đặc biệt - Đầu gắn tip: Cấu tạo đặc biệt với lực đàn hồi giúp gắn tip chắc chắn - Sai số hệ thống ở 200ul là ±1.2ul (±0.6%) - Sai số ngẫu nhiên ở 200ul là ±0.4ul (±0.2%)	37 hoặc Châu Âu	Không phải TBVT	9.590.000,00	9.590.000,00	

GR.44

STT	Mã môn thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
871	GR 45	Pipet 200ul (Điều chỉnh được)	Cái	1,00	-	Pipette đơn kênh thay đổi thể tích từ 100 – 1000 μL với đặc tính kỹ thuật cụ thể như sau: - Piston được làm từ chất liệu Fortron đặc biệt siêu nhẹ có thể kháng lại nhiệt độ, hóa chất tẩy rửa, nấm mốc, sự mài mòn.... - Khử trùng được toàn bộ pipette - Dải thể tích cho pipette đơn kênh điều chỉnh thể tích: 0.1 μL - 10 ml (gồm nhiều dải thể tích khác nhau) - Hiển thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích (đối với pipette điều chỉnh thể tích) - Bề mặt ngoài phía trên được phủ: polypropylene (PP), polycarbonate (PC), polyetherimide (PEI) - Màu sắc nút ấn thể hiện màu sắc đầu tip - Có thể điều chỉnh pipette để phù hợp với nhiều loại chất lỏng đặc biệt - Đầu gắn tip : Cấu tạo đặc biệt với lực đàn hồi giúp gắn tip chắc chắn - Sai số hệ thống ở 1000μl là $\pm$ 6μl ($\pm$0.6%) - Sai số ngẫu nhiên ở 1000μl là $\pm$ 2μl ($\pm$0.2%)	17 hoặc Châu Á	Không phải BHYT	9.590.000,00	9.590.000,00	
872	GR 46	Pipet đa kênh 300ul (Điều chỉnh được)	Cái	1,00	-	Pipette 8 kênh thay đổi thể tích từ 30 - 300μL với đặc tính kỹ thuật cụ thể như sau: - Piston được làm từ chất liệu Fortron đặc biệt siêu nhẹ có thể kháng lại nhiệt độ, hóa chất tẩy rửa, nấm mốc, sự mài mòn.... - Khử trùng được toàn bộ pipette - Dải thể tích cho pipette đơn kênh điều chỉnh thể tích: 0.1 μL - 10 ml (gồm nhiều dải thể tích khác nhau) - Hiển thị 4 chữ số ở tất cả các dải thể tích (đối với pipette điều chỉnh thể tích) - Bề mặt ngoài phía trên được phủ: polypropylene (PP), polycarbonate (PC), polyetherimide (PEI) - Màu sắc nút ấn thể hiện màu sắc đầu tip - Có thể điều chỉnh pipette để phù hợp với nhiều loại chất lỏng đặc biệt - Đầu gắn tip : Cấu tạo đặc biệt với lực đàn hồi giúp gắn tip chắc chắn - Sai số hệ thống ở 300μl là $\pm$ 1.8μl ($\pm$0.6%) - Sai số ngẫu nhiên ở 300μl là $\pm$ 0.9μl ($\pm$0.3%)	17 hoặc Châu Á	Không phải BHYT	38.990.000,00	38.990.000,00	
873	G13.122	Kéo phẫu thuật loại cong, đầu nhọn - nhọn, 16cm	Cái	23,00	6,00	- Kích thước: 16cm, cong, đầu nhọn-nhọn. - Chiều dài làm việc lớn ít nhất 5,1cm. - Chất liệu: thép không gỉ. - Hấp thụ ở nhiệt độ $\geq$134 độ C. - Sai số kích thước: $\pm$ 3%. - Có mã QR hoặc mã hàng trên từng sản phẩm.	Không yêu cầu	Không phải BHYT	173.500,00	3.990.500,00	1.041.000,00

STT	Mã mới mẫu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị dự định mua thêm (VNĐ)
874		Phanh thắng không mẫu KT 18cm	Cái	11,00	3,00	- Kích thước khoảng 18cm, đầu thắng, chiều dài đầu kẹp khoảng 5cm - Chất liệu: thép không gỉ - Hợp tẩy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Không phải TBVT	325.000,00	3.575.000,00	975.000
	GR 47										
875	GR 49	Thìa nạo (curet)	Cái	4,00	1,00	- Kích thước khoảng 19cm, 2 đầu - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Không phải TBVT	235.500,00	942.000,00	235.500
876	GR 50	Phanh tự động 3x4T 15cm	Cái	4,00	1,00	- Kích thước khoảng 15cm, đầu kẹp có 3x4T - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 3%	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.153.000,00	4.612.000,00	1.153.000
877	G12.171	Khuỷu quả đầu to	Cái	3,00	-	- Dung tích 600ml - Vật liệu: thép không gỉ, - Bề mặt: sáng bóng - Kích thước: 19x12x1,5cm, - Vật liệu: inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	67.000,00	201.000,00	-
878	G12.175	Khuỷu đầu KT (19x12x1,5)cm	Cái	20,00	6,00	- Kích thước: 360x183mm - Vật liệu: thép không gỉ - Kích thước: 285x170mm - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	Không phải TBVT	44.500,00	890.000,00	267.000
879	G12.184	Hộp hấp hình trụ, đường kính (360x185)mm	Cái	9,00	2,00	- Kích thước: 360x183mm - Vật liệu: thép không gỉ - Kích thước: 285x170mm - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	Không phải TBVT	934.000,00	8.406.000,00	1.868.000
880	GR 57	Hộp tròn inox nhỏ	Cái	5,00	1,00	- Kích thước: 285x170mm - Vật liệu: thép không gỉ	Việt Nam	Không phải TBVT	812.000,00	4.060.000,00	812.000
881		Thìa nạo thông	Cái	13,00	3,00	- Kích thước khoảng 35cm, đầu kẹp 9mm - Chất liệu: thép không gỉ - Hợp tẩy ở nhiệt độ 134 độ C - Sai số kích thước: ± 3%	Việt Nam	Không phải TBVT	86.500,00	1.124.500,00	259.500
	GR 61										
882	G13.95	Mỏ vít Casco cỡ trung	Cái	18,00	5,00	- Kích thước: 46x110mm, - Vật liệu: thép không gỉ	Không yêu cầu	Không phải TBVT	115.500,00	2.079.000,00	577.500
883	G13.94	Kẹp hình tam giác, có răng to	Cái	8,00	2,00	- Kích thước: 22,5cm, 12 inch, 2 đầu hình tam, có ngón loại răng to - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 2%	Việt Nam	Không phải TBVT	142.000,00	1.136.000,00	284.000
884	G13.93	Kẹp hình tam giác, có răng nhỏ	Cái	8,00	2,00	- Kích thước: 22,5cm, 9 inch, 2 đầu hình tam, có ngón loại răng nhỏ - Chất liệu: thép không gỉ - Sai số kích thước: ± 2%	Việt Nam	Không phải TBVT	142.000,00	1.136.000,00	284.000
885	G12.204	Thước đo cỡ tự cung	Cân	30,00	9,00	- Kích thước dài 25cm, đầu nhỏ không gậy dẫn thương - Inox 201	Việt Nam	Không phải TBVT	182.500,00	5.475.000,00	1.642.500
886	GR 84	Đề lườn inox	Cái	50,00	15,00	- Thìa chĩa V (28x32mm) - Vật liệu: thép không gỉ - Bề mặt: sáng bóng	Việt Nam	Không phải TBVT	51.000,00	2.550.000,00	765.000
887		Máy làm dung	Cái	3,00	-	Máy làm, sáng tiện tục, công suất cao, tương thích với nhiều loại bánh không (tốc độ) tiện thị trường. Tốc độ xoay 0-4m/phút, hạt nhân nhỏ mịn mịn. Thích hợp dùng cho phòng khám và gia đình nhiều người. Bộ phận kiến gồm: 1 dây xoay, 1 bánh xoay, 1 ống ngắn, 1 mặt nạ người lớn & 1 trẻ em, 5 miếng lọc khí, túi đựng	Không yêu cầu	Không phải TBVT	2.796.500,00	8.389.500,00	-
	GR 102										
888	G10.5	Silicon cấy ghép mặt (Cấy ghép c	Chiếc	31,00	9,00	Vật liệu cấy ghép mặt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mặt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép cằm), kích thước: Độ dày từ 10 mm Chiều dài từ 59 mm Chiều ngang: 15,5 mm	OECD	Thiết bị y tế	3.612.000,00	111.972.000,00	32.508.000

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
889	G10.17	Túi đất ngực, loại Gel, hình tròn,	Chiếc	22,00	6,00	- Túi đất ngực hình tròn bề mặt trơn - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp, hai lớp methyl deo, dai đàn hồi bảo vệ túi năng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. - Thể tích: 400cc, 425cc, 450cc, 475cc, 500cc - Độ nhỏ cao - Tiết kiệm	G7	Thiết bị y tế	9.343.688,00	205.561.136,00	56.062.128
890	G10.18	Túi đất ngực, loại Gel, hình tròn,	Chiếc	36,00	10,00	- Túi đất ngực hình tròn bề mặt trơn - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp, hai lớp methyl deo, dai đàn hồi bảo vệ túi năng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. - Thể tích: 400cc, 425cc, 450cc, 475cc, 500cc - Độ nhỏ trung bình - cao - Tiết kiệm	G7	Thiết bị y tế	9.343.688,00	336.372.768,00	93.436.880
891	G10.82	Kim y tế cỡ 33G x 4mm	Cây	500,00	100,00	- Kích cỡ kim 33G - Chiều dài kim 4mm - Đường kính ngoài 0,25mm - 0,27mm - Đường kính trong 0,16mm - Kim được làm từ thép không gỉ STS 304L và được phủ silicon - Tray cầm và ống đựng kim: chất liệu Polypropylene homo polymer	OECD	Thiết bị y tế	21.500,00	10.750.000,00	2.150.000
892	G10.99	Đầu tip dạng Line 1,5mm (14.000	Cái	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 - 1,5J - Tần số: 7MHz - 1,5mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 83mm x 75mm x 32mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥14.000 shots - Tương thích với máy Libera A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
893	G10.100	Đầu tip dạng Line 3,0mm (14.000	Cái	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 - 1,5J - Tần số: 7MHz - 3,0mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 83mm x 75mm x 32mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥14.000 shots - Tương thích với máy Libera A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
894	G10.101	Đầu tip dạng Line 4,5mm (14.000	Cái	3,00	-	- Dòng năng lượng: 0,1 - 1,5J - Tần số: 4MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 83mm x 75mm x 32mm (±5mm) - Trọng lượng ≤0,5kg - ≥14.000 shots - Tương thích với máy Libera A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-

STT	Mã nội thần	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thoải sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
895	G10 102	Đầu tip dạng Pen 1,5mm (240.000)	Cái	3.000	-	- Dung năng lượng 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 7MHz - 1,5mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 136mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng 50,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
896	G10 103	Đầu tip dạng Pen 3,0mm (240.000)	Cái	3.000	-	- Dung năng lượng 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 7MHz - 3,0mm - 4,4W - dưới 3mm - Kích thước: 136mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng 50,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
897	G10 104	Đầu tip dạng Pen 4,5mm (240.000)	Cái	3.000	-	- Dung năng lượng 0,1 ~ 1,5J - Tần số: 8MHz - 4,5mm - 11W - dưới 3mm - Kích thước: 136mm x 38mm x 38mm (±5mm) - Trọng lượng 50,5kg - Tương thích với máy Liftara A	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.950.000,00	113.850.000,00	-
898	G10 143	Chỉ tạo khung sườn nâng đỡ vùng Cổ	5,00	-	-	Chỉ tự tiêu kèm kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ có gai dọc theo thân chỉ, giúp bám vào vùng da cần điều trị và nâng vùng da lồi, giảm chảy xệ. Chất liệu chỉ: - Polycaprolactone (PCL) - Vitamin C hòa trong bôi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 100mm, chiều dài chỉ 200mm. Size kim 18G. Dùng gói dùng 20 sợi/ gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tuyệt nhiên bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản xuất và nâng cơ. Công dụng kéo da để nâng đỡ và kéo vùng da chảy xệ. Xóa nhăn mũi, má và miệng bị do bị Botox hóa do xuất tác. Cố định và điều chỉnh gương mặt không cân đối. Kim đầu từ giảm tổn th thương thành mạch máu. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-10°C). • Độ ẩm: < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	10.626.000,00	53.130.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
899	G10.146	Chỉ làm đầy hòm mắt và cải thiện	Gói	5,00	-	Chỉ tự tiêu kim kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ PDO ngắn, tròn, kim nhọn. Làm đầy hòm mắt, làm đầy rãnh khóe miệng, kích thích mọc tóc Chất liệu chỉ: - Polydioxanone (PDO) Kích thước chỉ 7-0 chiều dài kim 12mm, chiều dài chỉ 10mm. Size kim 31 G. Đóng gói dạng 25 sợi/gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu ở thường tiêu tăng sinh collagen sản xuất và nâng cơ. Công dụng chuyên dùng làm đầy hòm mắt, làm đầy rãnh khóe miệng, kích thích mọc tóc. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%	OECD	Thiết bị y tế	3.657.500,00	18.287.500,00	-
900	G10.147	Chỉ dán dưới da, trẻ hóa tăng sinh	Gói	5,00	-	Chỉ tự tiêu kim kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ đơn giản đầu kim nhọn, dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hàm, trán. Khóa chặt các loại chỉ gai. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 40mm, chiều dài chỉ 60mm. Size kim 29G. Đóng gói dạng 25 sợi/gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản xuất và nâng cơ. Công dụng dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hàm, trán. Khóa chặt các loại chỉ gai. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%	OECD	Thiết bị y tế	4.427.500,00	22.137.500,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng/ lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
901	G10.131	Chỉ dán dưới da, vết hóa, nắn chỉnh	Gói	5,00	-	Chỉ tự tiêu kèm kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ được xoắn quanh kim như ốc xoắn. Dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hăm, trán. Khoa choi các loại chỉ gút. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 60mm, chiều dài chỉ 50mm. Size kim 27G. Dùng gói dạng 25 sợi/ gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản chích và nâng cơ. Công dụng chuyển dùng nâng sống mũi. Kim đầu tù, giảm tối đa tổn thương thành mạch máu. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	5.775.000,00	28.875.000,00	-
902	G10.132	Chỉ dán dưới da, xóa nhăn vùng h	Gói	5,00	-	Chỉ tự tiêu kèm kim dùng trong phương pháp thẩm mỹ làm đẹp không phẫu thuật "Thread Lift". Chỉ dùng một lần, không dùng cho mục đích khác. Sợi chỉ đen gần đầu kim nhọn. Dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hăm, trán. Khoa choi các loại chỉ gút. Chất liệu chỉ: - Polycaprolacton (PCL) - Vitamin C bên trong lõi Kích thước chỉ 1-0 chiều dài kim 30mm, chiều dài chỉ 40mm. Size kim 29G. Dùng gói dạng 25 sợi/ gói. Sợi chỉ gồm: kim, nắp kim, sợi chỉ. Tiết khuẩn bằng khí gas ethylene oxide Thời gian tiêu 24 tháng tiêu giúp tăng sinh collagen sản chích và nâng cơ. Công dụng chuyển dùng tăng sinh collagen và xóa nhăn ở nhiều vùng trên mặt và body: vùng má, hăm, trán. Khoa choi các loại chỉ gút. • Bảo quản ở nhiệt độ phòng (1-30°C). • Độ ẩm: < 60%.	OECD	Thiết bị y tế	4.427.500,00	22.137.500,00	-
903	G10.172	Chỉ làm dày da Apriline Forte	Hộp	22,00	6,00	- Thành phần: Highly cross-linked sodium hyaluronate 23 mg/ml. Phosphate buffer pH 6,8-7,4 q.s., sodium chloride. - Kim: 27G. - Độ nhớt động: 1.000.000 mPa.s - Độ sâu khi tiêm: Lớp hạ bì sâu, mô dưới da, sát xương... theo chỉ định của bác sĩ - Hiệu quả duy trì: 12 - 18 tháng	OECD	Thiết bị y tế	2.600.000,00	57.200.000,00	13.600.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
904	G10.173	Chất làm đầy da Apriline Normal	Hộp	29,00	8,00	- Thành phần: Cross-linked sodium hyaluronate 23 mg/ml, Phosphate buffer pH 6,8-7,4 q.s., sodium chloride - Kim: 27G - Độ nhớt động: 500.000 mPa.s - Độ sâu khi tiêm: Lốp trung bì hoặc hạ bì sâu... tùy theo chỉ định của bác sỹ - Hiệu quả duy trì: 10 - 12 tháng	OECD	Thiết bị y tế	2.300.000,00	66.700.000,00	18.400.000
905	G10.174	Tay dao plasma sử dụng khí heli	Cái	132,00	39,00	- Sử dụng một lần được thiết kế để sử dụng cùng với dao mổ điện cao tần tương thích - Lưỡi dao có thể được mở rộng tới đa 10mm tính từ đầu xa của trục. - Tay cầm có 2 nút - một để kích hoạt năng lượng plasma và một để kích hoạt năng lượng Cool-Coag. - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 10 - 40 độ C + Độ ẩm: 30 - 75% không ngưng tụ - Tỷ lệ dòng khí gas: + Tối thiểu: 1,0 L/phút + Tối đa: 5,0 L/phút - Môi trường lưu trữ: + Nhiệt độ: 10 - 30 độ C + Độ ẩm: 10 - 75% không ngưng tụ - Có kèm miếng dán điện cực trung tính	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.000.000,00	1.584.000.000,00	468.000.000
906	G10.175	Tay dao Plasma đầu tròn	Cái	330,00	99,00	- Đầu tròn giảm thiểu lực chấn và cân tác động vào mô - Đường kính trục nhỏ hơn 40% (3mm so với 5mm) cho phép một vết rạch nhỏ hơn và giảm mô chấn thương trong quá trình sử dụng - Tay cầm bọc cao su có đường viền - Hai công phát năng lượng - Sử dụng 1 lần - Có kèm miếng dán điện cực trung tính - Sử dụng với dao mổ điện cao tần Renvision	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	12.000.000,00	3.960.000.000,00	1.188.000.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng hành thủ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị (tùy chọn mua thêm (VNĐ)
907	G10.176	Tấm dòn sinh học cỡ 5x8cm	Tấm	4,00	-	Tấm dòn sinh học - Độ dày: 4,0-5,0 mm, Chiều rộng x dài: 5 x 8 cm - Thành phần cấu tạo từ mô cơ thể sống, có độ tương thích cao, cấu trúc 3D của mô trần ngoài bảo ở lớp hạ bì, mật độ collagen cao. Có chức năng tái tạo mô mềm với tính chất vật lý vượt trội (Lực kéo, độ đàn hồi). - Có khả năng tương thích tự nhiên, vĩnh viễn với cơ thể người. Sau 6 tháng, tấm dòn gắn chặt vào nhân của dương vật, là khung để các tế bào sống phát triển từ đó trở thành một phần mô của cơ thể con người. - Tầng kích thước dương vật bằng tấm dòn giúp mang lại kết quả thẩm mỹ, độ bền cũng như độ dày đàn, cân đối ở dương vật cao hơn hẳn so với các phương pháp khác. - Tầng kích thước dương vật bằng tấm dòn được chứng minh là phương pháp an toàn và ít lệ biến chứng thấp.	OECD	Thiết bị y tế	41.000.000,00	164.000.000,00	-
908	G10.177	Tấm dòn sinh học cỡ 5x6cm	Tấm	8,00	-	Tấm dòn sinh học - Độ dày: 3,5-4,0 mm, Chiều rộng x dài: 5 x 6 cm - Thành phần cấu tạo từ mô cơ thể sống, có độ tương thích cao, cấu trúc 3D của mô trần ngoài bảo ở lớp hạ bì, mật độ collagen cao. Có chức năng tái tạo mô mềm với tính chất vật lý vượt trội (Lực kéo, độ đàn hồi). - Có khả năng tương thích tự nhiên, vĩnh viễn với cơ thể người. Sau 6 tháng, tấm dòn gắn chặt vào thân của dương vật, là khung để các tế bào sống phát triển từ đó trở thành một phần mô của cơ thể con người. - Tầng kích thước dương vật bằng tấm dòn giúp mang lại kết quả thẩm mỹ, độ bền cũng như độ dày đàn, cân đối ở dương vật cao hơn hẳn so với các phương pháp khác. - Tầng kích thước dương vật bằng tấm dòn được chứng minh là phương pháp an toàn và ít lệ biến chứng thấp.	OECD	Thiết bị y tế	38.000.000,00	304.000.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
909	G10.181	Chất làm đầy da điều chỉnh thể tích	Hộp	44,00		- Chất làm đầy da vùng mắt để làm tăng thể tích của mô mắt, điều chỉnh thể tích của mắt, má và cằm. - Tùy thuộc vào vùng cần điều trị và sự hỗ trợ nướu, nên tiêm sản phẩm vào vùng trên máng xương hoặc mô dưới da - Thành phần: Heparin Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml Lidocain (hydrochlorid) 3mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat vữa dãi. - Dùng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic an định không có nguồn gốc động vật. - Đóng gói trong ống tiêm bằng thủy tinh. - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ kim 27G - Vô khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	5.103.000,00	224.532.000,00	
910	G10.1	Túi đất nung loại gel, hình tròn, b	Chiếc	172,00	50,00	- Túi đất nung hình tròn bề mặt trơn - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: 2 lớp methyl đeo, dài dần bởi bao vệ túi nung nung và 1 lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần từ silicone từ trong không thể đi chuyển ra ngoài - Thể tích: 125cc, 150cc, 175cc, 200cc, 225cc, 250cc, 275cc, 300cc, 325cc, 350cc, 375cc. - Độ nhỏ trung bình, độ nhỏ cao - Tiết khuẩn	G7	Thiết bị y tế	7.785.855,00	1.339.167.000,00	389.292.750
911	G10.2	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép m	Chiếc	55,00		Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép mũi), kích thước: Độ dày: từ 4 đến 8 mm Chiều dài: từ 51 đến 59,5 mm Chiều ngang: từ 9,3 đến 10,9 mm	OECD	Thiết bị y tế	882.000,00	48.510.000,00	
912	G10.3	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép c	Chiếc	29,00	8,00	Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép cằm), kích thước: Độ dày: từ 4 đến 7,5 mm Chiều dài: từ 36 đến 37,5 mm Chiều ngang: từ 14 đến 15 mm	OECD	Thiết bị y tế	1.827.000,00	52.983.000,00	14.616.000
913	G10.4	Silicon cấy ghép mắt (Cấy ghép c	Chiếc	33,00	9,00	Vật liệu cấy ghép mắt được làm bằng 2 lớp silicon cứng và mềm. Được dùng trong phẫu thuật chỉnh hình mắt giúp định hình lại khuôn mặt (cấy ghép cằm), kích thước: Độ dày: từ 8 đến 8,5 mm Chiều dài: từ 49,5 đến 58 mm Chiều ngang: từ 12,5 đến 13,5 mm	OECD	Thiết bị y tế	2.415.000,00	79.695.000,00	21.735.000

STT	Mã nội thần	Tên Hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
914	G10.6	Vật liệu cấy ghép mặt bằng ePTFE	Chiếc	16,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mặt bằng ePTFE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene 1. PUREFORM: Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3 D phù hợp với từng vị trí cần phẫu thuật thẩm mỹ. 2. SFAME: Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng từng trường hợp. Kích thước: cỡ 50x10x8,6mm	G7	Thiết bị y tế	4.662.000,00	83.916.000,00	23.310.000
915	G10.7	Vật liệu cấy ghép mặt bằng ePTFE	Chiếc	33,00	9,00	Vật liệu cấy ghép mặt bằng ePTFE được làm bởi expanded Polytetrafluoroethylene 1. PUREFORM: Vật liệu được thiết kế cấu trúc 3 D phù hợp với từng vị trí cần phẫu thuật thẩm mỹ. 2. SFAME: Vật liệu ở dạng tấm và khối để các bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ có thể định hình theo từng trường hợp. Kích thước: cỡ 60x11x9x7mm	G7	Thiết bị y tế	5.859.000,00	193.347.000,00	52.731.000
916	G10.10	Vật liệu cấy ghép mặt bằng polyac	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mặt bằng polyethylene xốp Kích thước: 10x9x1,1mm	G7	Thiết bị y tế	3.612.000,00	65.016.000,00	18.060.000
917	G10.11	Vật liệu cấy ghép mặt bằng polyac	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mặt bằng polyethylene xốp Kích thước: 38x50x0,85mm	G7	Thiết bị y tế	13.503.000,00	243.014.000,00	67.515.000
918	G10.12	Vật liệu cấy ghép mặt bằng polyac	Chiếc	18,00	5,00	Vật liệu cấy ghép mặt bằng polyethylene xốp Kích thước: 50x76x0,85mm	G7	Thiết bị y tế	24.003.000,00	432.054.000,00	120.015.000
919	G10.13	Túi dộn ngực nano	Chiếc	36,00	10,00	1. Gel lấp đầy 2. Lớp sắc tố sử dụng để nhân biệt trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố. 3. Kích thước: - Đường kính: 10,25 đến 12,5cm - Độ nhô: 3,7 đến 4,8cm - Thể tích: 245 đến 380cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	7.203.000,00	259.308.000,00	72.030.000
920	G10.14	Túi dộn ngực nano chip	Chiếc	36,00	10,00	1. Gel lấp đầy 2. Lớp sắc tố sử dụng để nhân biệt trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố. 3. Thiết bị nhân dạng đơn nhất 4. Kích thước: - Đường kính: 10,25 đến 12,5cm - Độ nhô: 3,6 đến 4,8cm - Thể tích: 210 đến 375cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	9.303.000,00	334.908.000,00	93.030.000
921	G10.15	Túi dộn ngực thông thường	Chiếc	880,00	264,00	1. Gel lấp đầy 2. Lớp sắc tố sử dụng để nhân biệt trực quan lớp rào cản cấy ghép, giúp kiểm tra chất lượng giúp bác sĩ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố. 3. Thiết bị nhân dạng đơn nhất 4. Kích thước: - Đường kính: 9 đến 13,5cm - Độ nhô: 2,6 đến 5cm - Thể tích: 145 đến 475cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	11.718.000,00	10.311.840.000,00	3.093.552.000

STT	Mã mời thầu	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
922	G10.16	Túi đựng mỏng	Chiếc	53,00	15,00	1. Gel lấp đầy 2. Lớp sắc tố sử dụng để nhận biết trực quan lớp rào cản cây giúp, giúp kiểm tra chất lượng giúp bảo vệ xác nhận sự hiện diện của lớp sắc tố, tăng cường độ an toàn cho sản phẩm 3. Thiết bị nhận dạng đơn nhất 4. Kích thước: - Đường kính: 9,4 đến 10,2cm - Độ nhỏ: 3 đến 4,5cm - Thể tích: 235 đến 465cc	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	13.209.000,00	700.077.000,00	198.135.000
923	G10.19	Chất làm đầy với Lidocaine 1ml	Hộp	75,00	22,00	Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml, Lidocaine (hydrochlorid) 3mg/ml. Dung dịch muối đệm phosphat vôi đủ.	OECD	Thiết bị y tế	4.179.000,00	313.425.000,00	91.938.000
924	G10.84	Kim y tế dùng trong thẩm mỹ cơ	Cây	1.100,00	300,00	- Kích cỡ kim 34G - Chiều dài kim 4mm - Đường kính ngoài 0,19mm - 0,21mm - Đường kính trong 0,1mm - Kim được làm từ thép không gỉ STS 304L và được phủ silicon - Tay cầm và ống đựng kim: chất liệu Polypropylene homo polymer	OECD	Thiết bị y tế	24.500,00	26.950.000,00	7.350.000
925	G10.88	Túi nâng ngực đáng tròn, bề mặt	Chiếc	278,00	82,00	Túi đặt ngực hình tròn bề mặt trơn: - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp: lớp Methyl (bên trong) mang lại cấu trúc toàn vẹn, lớp Phenyl ở giữa kỵ nước cần từ sự khuếch tán Gel, lớp Methyl (bên ngoài) cùng có cấu trúc toàn vẹn - Gel Silicone kết dính nằm trong một lớp vỏ siêu mỏng - Thể tích: 130cc, 160cc, 190cc, 215cc, 240cc, 270cc, 295cc, 325cc, 350cc, 370cc, 405cc, 450cc, 150cc, 180cc, 200cc, 235cc, 260cc, 285cc, 335cc, 355cc, 380cc, 415cc - Độ nhỏ trung bình, độ nhỏ cao - Tiết khuẩn	G7	Thiết bị y tế	13.482.000,00	3.747.996.000,00	1.105.524.000
926	G10.178	Túi đặt ngực hình giọt nước, độ n	Chiếc	5,00	-	Túi đặt ngực hình giọt nước bề mặt nhám: - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp, hai lớp methyl dẻo, dai đàn hồi bảo vệ túi nâng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một lớp rào bảo vệ phân tử silicone từ trong không thể di chuyển ra ngoài. Công nghệ vô nhám độc quyền SILTEX. Dường túi có độ dốc tự nhiên, dễ dẫn về cực dưới tạo dáng ngực 45-55. Gel silicone kết dính độ III tạo ra cảm giác săn chắc, trẻ trung - Thể tích: 270cc - Chiều cao lớn, độ nhỏ Trung bình - Tiết khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	10.403.400,00	52.017.000,00	-

STT	Mã mới chính	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thi sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thanh tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
927	G10.179	Túi đựng ngực hình giọt nước, độ n	Chiếc	22,00	6,00	Túi đựng ngực hình giọt nước bề mặt nhám. - Chất liệu silicon dạng gel, gồm 3 lớp, hai lớp methyl dẻo, dai đàn hồi bảo vệ túi năng ngực, một lớp phenyl ở giữa đóng vai trò như một hàng rào bảo vệ phần tử silicone từ trong không thể đi chuyển ra ngoài. Công nghệ vô nhám đặc quyền SILTEX. Dạng túi có độ đặc từ nhớt, độ đàn về cực dưới tạo dáng ngực 45-55. Gel silicone kết dính độ III tạo ra cảm giác săn chắc, trẻ trung. - Chiều cao trung bình/cao, độ nhô cao. Thể tích: 260cc, 300cc, 330cc - Chiều cao trung bình, độ nhô trung bình. Thể tích: 255cc, 295cc, 330cc. - Tiết khuôn	OECD	Thiết bị y tế	11.443.950,00	251.766.900,00	68.661.700
928	G10.180	Chất làm đầy cho vùng da trung b	Hộp	44,00	-	Chất làm đầy da vùng mắt để xóa các nếp nhăn tĩnh vùng mắt nước độ nặng. Tỉm lấp giữa của trung bì. - Thành phần: Hoạt chất Hyaluronic acid liên kết chéo 20mg/ml Lidocain (hydroclorid) 3mg/ml. Dung dịch muối, đệm phosphat vôi đủ. - Dạng gel vô khuẩn, trong suốt, phân hủy sinh học của acid hyaluronic an định - Dòng gói tương ứng tiêm bằng thủy tinh - Kim bằng thép không gỉ, thành mỏng, cỡ 29G - Vô khuẩn	OECD	Thiết bị y tế	5.103.000,00	224.532.000,00	-
929	G10.21	Vật liệu Silicone dùng trong phẫu	Chiếc	132,00	39,00	Vật liệu silicone dùng trong phẫu thuật tạo hình vùng mắt, loại có chân Chất liệu silicone dùng trong y tế - Chiều dài từ 47mm-59mm - Chiều dày từ 4.0mm-6.5mm - Chiều rộng 9.0mm-11.0mm - Chiều dài tay mũi 4.0mm-6.0mm - Chiều dày đầu mũi 4.0mm-6.0mm	OECD	Thiết bị y tế	650.000,00	85.800.000,00	23.350.000

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
930	G10.88.1	Túi nâng ngực hình tròn, bề mặt t	Chiếc	220,00	66,00	Túi nâng ngực hình tròn, bề mặt trơn - Chất liệu silicone dạng gel, gồm 3 lớp: lớp methyl (bên trong) mang lại cấu trúc toàn vẹn, lớp Pheryl ở giữa kỵ nước cân trở sự khuếch tán Gel, lớp Methyl (bên ngoài) cùng có cấu trúc toàn vẹn - Gel Silicone kết dính nằm trong một lớp vỏ siêu mỏng - Thể tích: 130cc, 160cc, 190cc, 215cc, 240cc, 270cc, 295cc, 325cc, 350cc, 370cc 150cc, 180cc, 200cc, 235cc, 260cc, 285cc, 335cc, 355cc, 380cc, 415cc, 130cc, 150cc, 170cc, 185cc, 210cc, 230cc, 255cc, 280cc, 310cc, 330cc, 350cc, 375cc, 400cc; - Độ nhỏ trung bình cao; - Tiết kiệm; - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA hoặc tương đương	G7	Thiết bị y tế	13.482.000,00	2.966.040.000,00	889.812.000
931	G10.20	Kem có tác dụng giúp làm giảm c	Tuyp	154,00	46,00	Myracine, Vitamin PP, Chiết xuất Sabal serrulata, PMMA (Polymethyl methacrylate), Phức hợp các chất dưỡng ẩm, làm mềm da	G7	Không phải BHYT	403.200,00	62.092.800,00	18.547.200
932	G10.36	Tinh chất làm trắng da, giảm nám	Lọ	110,00	30,00	- Thành phần : Aqua, Ethyl ascorbic acid, (vitamin C), Alpha-Arbutin, Tricholoma matsutake extract, Glycyrrhiza glabra root extract, Glycyrrhiza uralensis root extract, Oligopeptide-34, Glutathione, Sodium bicarbonate, Niacinamide, Sh-polypeptide-2 - Công dụng : Dưỡng da, giúp trắng da, giúp chống nhăn da	OECD	Không phải BHYT	831.600,00	91.476.000,00	24.948.000
933	G10.37	Tinh chất dưỡng da (da nhạy cảm	Lọ	135,00	40,00	- Thành phần bao gồm: 6 Khoáng chất, 23 amino acid, Hyaluronic Acid, 13 loại vitamin, 3 Nucleotides. - Công dụng : Cung cấp lượng lớn dưỡng chất cho da nhờ các vi dưỡng chất cần thiết cho quá trình chuyển hóa sinh hóa của tế bào, phục hồi cơ chế sửa chữa tự nhiên, tăng sức đề kháng cho da.	OECD	Không phải BHYT	950.400,00	128.304.000,00	38.016.000

STT	Mã môi trường	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
934	G10.38	Tinh chất đường đa, ngắn ngắn n	Lô	90,00	25,00	Retinol long 1,25% (vitamin A): kích thích enzyme và hoạt động phân bào trong lớp biểu bì. Đây nhanh phục hồi da tổn thương bởi tia UV, tiêu chuẩn vàng trong điều trị mụn. Tham gia vào chuyển hóa tăng sinh collagen - cải thiện nếp nhăn - ứng dụng nổi trong về hóa làm da. Vitamin C (2,5%) - Niacinamide (0,5%): tăng tính giữ ẩm và hạn chế mất nước, hỗ trợ điều trị mụn trứng cá. Tỉ lệ các gốc oxy hóa - ngắn n lão hóa. Vitamin B1 (0,1%), B2 (0,1%), B6 (0,1%), Vitamin E (0,1%), Vitamin C: kết hợp cùng nhau sẽ có tác dụng hiệp lực, tăng kết quả điều trị	OECD	Không phải TBYT	990.400,00	85.536.000,00	23.760.000
935	G10.40	Tinh chất đường đa (da heo heo)	Lô	110,00	30,00	Hyaluronic acid (3,5 %). Hyaluronic Acid là một acid cấu thành nên các mô liên kết có nhiệm vụ vận chuyển chất dinh dưỡng về chính vào sâu bên trong da, giữ nước (làm nâng giữ nước lên hơn 50 lần khối lượng), làm mềm và ngăn các dấu hiệu lão hóa bên ngoài.	OECD	Không phải TBYT	871.200,00	95.832.000,00	26.136.000
936	G10.43	Tinh chất đường đa, tăng da	Ông	70,00	19,00	Có chứa từ 20% Vitamin C (Sodium ascorbate), có tác dụng chống lão hóa và giải quyết các vấn đề về da như: da không đều màu, da tối màu, đốm nâu, điều trị mụn....	OECD	Không phải TBYT	247.200,00	17.335.000,00	4.702.500
937	G10.45	Mặt nạ dưỡng da	Hộp	18,00	-	Alginate (chủ yếu) cung cấp độ ẩm sâu cho da sau khi dùng. Vì đặc tính hóa học của màu Alginate hấp thụ nước rất tốt, có thể hấp thụ hơn 200 lần khối lượng phân tử của nó nên mặt nạ màu cũng cấp độ ẩm sâu cho da sau khi dùng.	OECD	Không phải TBYT	6.000.000,00	108.000.000,00	-
938	G10.86	Mặt nạ dưỡng da (dạng bột)	Túi	53,00	15,00	Là dạng mặt nạ bột với kết cấu lỏng sệt, sau khi đắp lên mặt khoảng 20-25p, hoàn toàn có thể tự bóc ra như một dạng mặt nạ giấy tiện lợi, khô thoáng, cho da cảm giác mềm, mịn và đàn hồi, phục hồi da sau laser.	OECD	Không phải TBYT	1.900.000,00	100.700.000,00	28.500.000
939	G10.89	Nước cân bằng da thường và hỗn hợp hai 500ml		33,00	9,00	Thành phần: Aqua, Hamamelis Virginiana (Witch Hazel) Leaf Water, Propenodiol, Polyglyceryl-4 Caprate, Polyglyceryl-6 Caprylate, Niacinamide, Rosmarinus Officinalis (Rosemary) Leaf Extract	G7	Không phải TBYT	1.360.000,00	44.880.000,00	12.240.000
940	G10.90	Sữa rửa mặt da thường và hỗn hợp hai 500ml		31,00	9,00	Thành phần: Aqua, Coco-Glucoside, Caprylyl/Capryl Glucoside, Glycerin, Borylene Glycol, Dipropylene Glycol, Hydroxyethylcellulose, Eranthis Choranatha Bark Extract, Niacinamide	G7	Không phải TBYT	1.500.000,00	46.500.000,00	13.500.000
941	G10.92	Mặt nạ giảm mụn và se khít lỗ chân 250ml		29,00	8,00	Thành phần: Bentonite, CitricAcid, Zinc PCA, Menthol	G7	Không phải TBYT	1.200.000,00	34.800.000,00	9.600.000

STT	Mã môi trường	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
942	G10.93	Kem dạng hạt làm sạch tế bào sữa 250ml		16,00	4,00	Thành phần: Aqua, Bambusa Arundinacea Stem Powder, Sweet Almond Oil, Jojoba Seed Oil, Glycerin, Decyl Cocoate, Betaine, Beta Vulgaris (Beet) Root Extract	G7	Không phải TBVT	1.680.000,00	26.880.000,00	6.720.000
943	G10.94	Tinh chất làm dịu phục hồi da	Chai	40,00	11,00	Thành phần: Azulene, Chiết xuất lá lô hội, natri hyaluronat, betaine, Hyaluronic Acid, ... Công dụng: Làm dịu da, dưỡng ẩm cho làn da mịn màng và mềm mại, Giảm mẩn đỏ, ngứa ngáy da kích ứng. ; Kháng viêm, kháng khuẩn, tránh bội nhiễm cho da, Sử dụng trong và sau các liệu trình công nghệ cao.	OECD	Không phải TBVT	2.850.000,00	114.000.000,00	31.350.000
944	G10.95	Kem massage tăng sinh tế bào	Hũ	89,00	2,00	Mềm, trơn, ẩm và khả năng lướt nhẹ trên da, kết hợp động tác massage tác động trực tiếp đến các mô, kích thích tăng sinh và tái tạo collagen, elastin, tăng cường tuần hoàn máu, tăng sức sống và trắng sáng cho làn da Thành phần: Acetylhexa Peptide, Portulaca, Oleracea Extract, Hazel Witch Extract, Centella Asiatica Extract	OECD	Không phải TBVT	890.000,00	79.210.000,00	1.780.000
945	G10.127	Kem chống nắng SPF50 PA+++	Tuýp	99,00	29,00	- Thành phần: Water, Cyclopentasiloxane, Ethylhexyl Methoxycinnamate, Propylene Glycol, Ethylhexyl Salicylate, Zinc Oxide, Titanium Dioxide, Poly(C6-14 Olefin), Isoamyl p-Methoxycinnamate, ... - Chỉ số bảo vệ da khỏi tia UVB: SPF50 hoặc tốt hơn. - Chỉ số bảo vệ da khỏi tia UVA: PA+++ hoặc tốt hơn. - Quy cách: 50ml hoặc 50g/tuýp.	OECD	Không phải TBVT	830.000,00	82.170.000,00	24.070.000
946	G10.128	Kem dưỡng ẩm hỗ trợ tái tạo da	Hũ	22,00	6,00	- Thành phần: Water, Mineral Oil, Glycerin, Dimethicone, Propylene Glycol, 1,2-Hexanediol, Cetylal Alcohol, Glycerol Stearate, PEG-100 Stearate, Sorbitan Sesquileate, Poterium Officinale Root Extract, Schizaphyllum Commune/Asparagus Cochinchinensis Root/Soybean Germ Ferment Filtrate Extract, Cyperus Rotundus Root Extract, ... - Công dụng: Kem giúp da mềm mịn, giúp dưỡng ẩm da, hỗ trợ tái tạo da. - Quy cách: 500ml hoặc 500g/hũ.	OECD	Không phải TBVT	890.000,00	19.580.000,00	5.340.000
947	G10.129	Gel dưỡng ẩm làm dịu da	Chai	33,00	9,00	-Thành phần: Aqua, Glycerin, Butylene Glycol, Niacinamide, BIS-PEG-12 Dimethicone, Panthenol, Phenoxyethanol, Sodium Hyaluronate, Allantoin, Hydrolyzed Hyaluronic Acid, EthylhexylGlycerin; - Công dụng: Điện di làm dịu, cấp ẩm tác tại sau các liệu pháp xâm lấn da như: Laser, meso, ... - Dung bào chế: Gel	OECD	Không phải TBVT	4.290.000,00	141.570.000,00	38.610.000

STT	Mã nội thất	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
948	G11.11	Dung dịch đệm PBS	ml	53.000,00	15.500,00	- Là dung dịch muối cân bằng được sử dụng cho nhiều ứng dụng nuôi cấy tế bào - Không chứa: Calcium, Magnesium, Phenol Red, Sodium Pyruvate. - Độ pH: 7,3 - 7,5. - Nồng độ: $\leq 1X$	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.407,00	127.571.000,00	37.308.500
949	G11.3	Dung dịch Colcemid	ml	1.320,00	390,00	- Là dung dịch N-desacetyl-N-methylcolchicine 10 $\mu g/ml$, được tạo thành trong Dung dịch muối cân bằng của Hanks (HBSS) - Cơ chế hoạt động tương tự như colchicine nhưng có độc tính thấp hơn đối với dòng vật chủ và - Lọc vô trùng - Độ nhớt tiêu chuẩn: 275 - 310 mOsm/kg - Ph 7,5	G7	Thiết bị y tế	131.400,00	173.448.000,00	51.246.000
950	G11.94	Kit tách chiết DNA	Test	1.000,00	-	- Kit tách DNA từ nhiều loại mẫu khác nhau - Loại mẫu chính: máu, vi khuẩn, thực vật, tế bào động vật - Màng: glass microfibre - Lượng DNA làm việc chỉ: 20 μg DNA/két - Bao gồm lysozyme để tách vi khuẩn Gram dương - Thành phần: buffer GDI, GDI2, PPI, GB, WB Buffer, Proteinase K, Lysozyme, Help B, RNase A, DNA Hydration Solution, Spin column/collection tube	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	49.980,00	49.980.000,00	-
951	G11.101	Kit xét nghiệm phân mảnh DNA ở tinh trùng	Test	1.170,00	350,00	Thành phần: lam kính, thìa, dung dịch biến tính, dung dịch ly giải, lăm nhồi Hiện thị kết quả bằng chỉ số SDF (Sperm DNA Fragmentation)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	1.386.000,00	1.621.620.000,00	485.100.000
952	G11.289	Kit xét nghiệm đột biến vi sinh đoạn AZF bằng hệ thuật realtime per	Test	720,00	216,00	- Sử dụng phương pháp Realtime PCR để phát hiện trình tự DNA đích - Kit phát hiện mất 13 mã đơn nhỏ AZF gây thiếu tinh, vô tinh ở nam giới, chứa oligonucleotide có khả năng phát hiện sự mất đoạn nhiễm sắc thể Y có liên quan đến vô tinh trung (sY84, sY86, sY127, sY134, sY142, sY242, sY254, sY255, sY615, sY1125, sY1197, sY1206 và sY1291) - Phát hiện protein vùng gen xác định giới tính SRY	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	508.000,00	365.760.000,00	109.728.000
953	G11.171	Chai nuôi cấy tế bào 225cm2, nắp vent	Cái	925,00	275,00	- Diện tích tế bào phát triển 225cm2 - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: hình cầu nhai - Kiểu nắp: thông khí, được sản xuất bằng Polyethylene - Kích thước: + Chai dài có nắp: 20 - 25 cm + Chiều rộng: 13 - 15 cm + Chiều cao (từ sau của bình): 4 - 5 cm - Thể tích trung bình: 45 - 67,5 mL - Non-Pyrogenic	G7	Thiết bị y tế	196.000,00	181.100.000,00	53.900.000

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng (tùy chọn mua thêm)	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
954	G11.284	Dung dịch trợ lắng (HES 600) dùng trong quy trình thu nhận tế bào gốc tạo máu	ml	24.000,00	7.000,00	- Thành phần: 6g/dl Hydroxyethyl Starch (HES) 600 trong 0,9g/dl NaCl, WFI. - Trong lượng phân tử trung bình của HES: khoảng 600 kDa. - Vô trùng, không gây sốt. - Túi chính được bọc trong túi bảo ngoài theo tiêu chuẩn phòng sạch. - Rút vô trùng qua ống tiêm hoặc ống chích. - Không yêu cầu nạp không khí để rút chất lỏng.	G7	Thiết bị y tế	12.450,00	298.800.000,00	87.150.000
955	G11.286	Dung cụ lấy mẫu máu	Cái	1.850,00	550,00	- Dùng cụ bằng nhựa được tiệt trùng - Dùng để lấy mẫu máu từ túi máu.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	80.000,00	148.000.000,00	44.000.000
956	G11.379	Hộp chắt kiểm chuẩn tế bào gốc	hộp	7,00	2,00	Sử dụng để kiểm soát chất lượng máy, theo dõi, kiểm tra hoạt động của máy trước khi thực hiện đếm tế bào gốc. Thành phần: kiểm soát bảo gồm các tế bào bạch cầu, hồng cầu và các tế bào máu ngoại vi CD34+ trong môi trường bảo quản.	G7	Thiết bị y tế	21.222.300,00	148.556.100,00	42.444.600
957	G11.391	Túi máu 300ml	cái	250,00	-	- Túi máu rộng vô trùng dùng một lần và được sử dụng để thu thập, điều chế và lưu trữ các thành phần máu. - Có dây truyền dài ≥ 500mm, có 6 đoạn mã - Thể tích 300ml - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide hoặc tương đương	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	56.400,00	14.100.000,00	-
958	G11.404	Hóa chất cho sáng lọc sơ sinh bệnh thiếu men G6PD	test	22.080,00	5.760,00	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu G6PD dùng cho sáng lọc sơ sinh; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm; - Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; - Giới hạn phát hiện (LoD) = 0,4 U/g Hb; - Độ đặc hiệu phân tích nồng độ hemoglobin thử nghiệm ≤ 250 g/L không gây nhiễu đến xét nghiệm; - Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tối thiểu khoảng 7,8 U/g Hb; - Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	33.877,00	748.004.150,00	195.131.520
959	G11.463	Hóa chất cho sáng lọc sơ sinh bệnh suy giảm trạng thái sinh	test	22.080,00	5.760,00	- Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu TSH dùng cho sáng lọc sơ sinh; 01 hộp sử dụng cho 960 xét nghiệm; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; - Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; - Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang. - Độ nhạy ≤ 2 μU/mL máu; - Nồng độ triglycerides ≤ 5000 mg/L và bilirubin ≤ 20 mg/dL có trong mẫu không gây nhiễu tại phép đo HTSH	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	45.381,00	1.002.012.480,00	261.304.560

STT	Mã mặt thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng lấy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị lấy chọn mua thêm (VNĐ)
960	G11 406	Hòa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh Tang sản thường thân bản sinh	test	22.080,00	5.760,00	+ Hòa chất xét nghiệm chỉ tiêu 17α-OHP dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp sử dụng cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dùng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Độ nhạy: Giới hạn màu trắng (LoB) ≤ 0.41 ng/mL, huyết thanh khi sử dụng quy trình 3h và ≤ 0.46 ng/mL. Khi dùng quy trình ủ qua đêm + Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	44.454,00	981.544.320,00	256.035.040
961	G11 407	Hòa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh Galactosemia	test	7.500,00	-	+ Hòa chất xét nghiệm chỉ tiêu GALT dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 bộ gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dùng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; + Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin trong khoảng 120 - 194 g/L không ảnh hưởng đến phép đo hoạt độ của GALT; + Không tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 11 U/gg Hb;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	41.042,00	307.811.000,00	-
962	G11 408	Hòa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh Phenylketon niệu	test	7.500,00	-	+ Hòa chất xét nghiệm chỉ tiêu Phenylalanine dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 bộ gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dùng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang; + Độ đặc hiệu phân tích: Nồng độ hemoglobin ≥ 150 g/L, tới ≤ 200 g/L không gây nhiễu khi xét nghiệm Neonatal Phenylalanine; + Độ tuyến tính của xét nghiệm có giá trị tới khoảng 508 μmol/L (15 mg/dL);	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	37.108,00	278.310.000,00	-
963	G11 409	Hòa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh sơ nang	test	7.500,00	-	+ Hòa chất xét nghiệm chỉ tiêu IRT dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm; + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dùng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật miễn dịch huỳnh quang; + Giới hạn màu trắng (LoB) = 0.43 ng/mL máu; + Không tuyến tính có giá trị từ 15 ng/mL tới 620 ng/mL máu	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	81.079,00	608.092.500,00	-

STT	Mã môi trường	Tên hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
964	G11.410	Hóa chất cho sàng lọc sơ sinh bệnh thiếu men Biotinidase	test	7.500,00		+ Hóa chất xét nghiệm chỉ tiêu Biotinidase dùng cho sàng lọc sơ sinh; + 01 hộp gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm + Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyên dụng; + Sử dụng với hệ thống thiết bị bán tự động; + Áp dụng kỹ thuật huỳnh quang. + Giới hạn mẫu trắng (LoB) = 12 U; Giới hạn phát hiện (LoD) = 16 U; + Độ đặc hiệu: Nồng độ hemoglobin 200 mg/dL không gây nhiễu tới xét nghiệm; + Khoảng tuyến tính có giá trị từ 16 U tới 390 U;	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	47.522,00	356.415.000,00	
965	G11.412	Giấy thấm mẫu máu khô chuyển đưng	Tờ	13.200,00	3.900,00	- Sử dụng thấm mẫu máu khô tiêu chuẩn dùng cho sàng lọc sơ sinh; - Chất liệu: Cotton; - Sử dụng thành mã vạch - Lancet lấy máu gọt chân; - Kim vô trùng - Kích thước 2mm x 17G	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	19.950,00	263.340.000,00	77.805.000
966	G11.413	Kim chọc máu	cái	13.200,00	3.800,00	- Lancet lấy máu gọt chân; - Kim vô trùng - Kích thước 2mm x 17G	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	8.400,00	110.880.000,00	31.920.000
967	G11.419	Hóa chất realtime PCR cho phát hiện các tác nhân gây bệnh đường sinh dục	test	200,00		- Kit phát hiện 12 tác nhân nguy cơ cao lây bệnh đường sinh dục gồm: <i>Neisseria gonorrhoea</i>, <i>Chlamydia trachomatis</i>, <i>Ureaplasma urealyticum</i>, <i>Mycoplasma genitalium</i>, <i>Treponema pallidum</i>, <i>Ureaplasma parvum</i>, <i>Mycoplasma hominis</i>, <i>Trichomonas vaginalis</i>, <i>Candida albicans</i>, <i>Gardnerella vaginalis</i>, <i>Herpes Simplex Virus 1</i>, <i>Herpes Simplex Virus 2</i> - Công nghệ: Multiplex Real-time PCR sử dụng Taqman Probe - LoD: 0,5-5 copiestul - Độ nhạy: 96,44% - 100% - Độ đặc hiệu: 98,20% - 100% - Có hệ thống chống ngược nhiễm Uracil-DNA Glycosylase(UDG)	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	362.250,00	72.450.000,00	
968	G11.392	Ống 0,2ml thân trong	cái	5.000,00	1.500,00	- Ống đong PCR 0,2 ml, chất liệu: PP, có tam chắn chống nhiễm bẩn, nắp phẳng, thích hợp cho qPCR - Thể tích làm việc: 10 ul-0,2 ml - Tốc độ ly tâm tối đa: 8000ng - Nhiệt độ ly tâm: 22 độ C - Có thể hấp tiệt trùng	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	2.695,00	13.475.000,00	4.042.500

STT	Mã mới mẫu	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tự chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tự chọn mua thêm (VNĐ)
969	G11.388	Kit tách mẫu DNA tự động cho mẫu HBV	Test	384,00	-	Bộ kit cung cấp giải pháp tách chiết DNA tự động bằng cách sử dụng hạt bead phủ silicon dioxide có khả năng hấp thụ phân tử mang điện tích âm để tách chiết DNA ra khỏi mẫu. Công suất: 32 mẫu lần chạy Thành phần: 96 Ống thuốc thử 6 giếng với buffer, 2 ga 8 ống base, 20ml Elution Buffer chứa Nuclease-Free Water, 1ml Proteinase K nồng độ 20 mg/ml được bao quản ở 4°C 24 Step 8 kênh. Thiết bị tương thích: SLA-16/32, SLA-E132 Series	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	90.000,00	34.560.000,00	-
970	G11.133	Ống ly tâm 1,5 ml	chiếc	4.000,00	1.000,00	Vật liệu PP RCF : 30000xg. Chiều dài: 38 - 43mm, đường kính ống 10 - 15mm. Hàm lượng nội độc tố nhỏ hơn < 0,1 EU Không pyrogenic, không có DNase / RNase Dung tích sử dụng: 1,5ml	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	500,00	2.000.000,00	500.000
971	G11.280	Ống fancel 15ml	Ống	34.325,00	10.275,00	- Thể tích: 15mL. - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: đường kính 17-18 mm, chiều dài 118-120 mm - Lực ly tâm tối đa: 12.000 xg - Chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Kiểu nắp: nắp phẳng, đường kính 22-23 mm - Kiểu đáy ngoài: hình nón, không tự động, đã tiệt trùng - Kiểu đáy bên trong: hình nón, đã tiệt trùng - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free - Đạt tiêu chuẩn ISO	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	5.000,00	171.625.000,00	51.375.000
972	G11.444	Ống 0,2 mL PCR nắp phẳng, vô trùng	Cái	2.000,00	-	- Ống cryo 0,2ml đáy nhọn. - Chất liệu làm từ nhựa nguyên sinh Polystyrene đã tiệt trùng. - Không chứa DNase/ RNase, Pyrogen.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	491,00	982.000,00	-
973	G11.445	Ống ly tâm vết tương 2ml	cái	3.500,00	-	- Ống cryo 2,0ml đáy nhọn. - Chất liệu làm từ nhựa nguyên sinh Polystyrene đã tiệt trùng. - Không chứa DNase/ RNase, Pyrogen.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	14.820,00	51.870.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
974	G11.446	Hóa chất dùng cho sàng lọc các bệnh rối loạn chuyển hóa di truyền	Test	21.120,00	5.760,00	- Hóa chất dùng cho sàng lọc các bệnh rối loạn chuyển hóa axit amin, axit béo, axit hữu cơ, purine và pyrimidine - Bộ kit có khả năng định lượng 57 chất phân tích: 14 amino acid, 36 carnitin, 2 nucleoside succinylacetone và 4 lysophosphatidyletholine trong cùng một xét nghiệm - 01 kit gồm thuốc thử cho 960 xét nghiệm; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dụng; - Sử dụng với hệ thống phân tích MS/MS.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	448.611,00	9.474.664.320,00	2.583.999.360
975	G11.447	Hóa chất sàng lọc các bệnh rối loạn dự trữ Lysosome (LSD)	Test	7.680,00	-	- Hóa chất xét nghiệm dùng cho sàng lọc sơ sinh: các bệnh rối loạn dự trữ Lysosome (LSD); - Hóa chất xét nghiệm định lượng hoạt độ các enzyme Acid-β-glucosaminidase (ABG), acid-sphingomyelinase (ASM), acid-α-glucosidase (GAA), β-Galactosaminase (GALC), α-galactosidase A (GLA) và α-L-iduronidase (IDUA) trong sàng lọc hội chứng rối loạn dự trữ Lysosome (LSD) ở trẻ sơ sinh; - 01 hộp gồm chất chuẩn, dung môi và dung dịch chất cho 960 xét nghiệm; - Sử dụng cho mẫu máu khô trên giấy thấm chuyển dụng; - Sử dụng với hệ thống sắc ký khối phổ MS/MS.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	369.133,00	2.834.941.440,00	-
976	G11.88	Bộ kit tách chiết RNA	Test	1.536,00	-	Bộ kit dùng để tách chiết RNA từ động vật Công suất: ≤ 40 phút/lần chạy Thành phần: 96 Ống thuốc thử 8 giếng với buffer, 2 giá 8 ống base, 1.5ml Elution Buffer chứa Nuclease-Free Water, 1ml Proteinase K nồng độ 20 mg/ml được bảo quản ở 4°C 24 Strip 8 kênh... Thiết bị tương thích: SLA-1632, SLA-E132 Series	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	90.000,00	138.240.000,00	-
977	G11.10	Huyết thanh bào thai bẻ	ml	2.000,00	500,00	- Loại huyết thanh: tiêu chuẩn - Đã được kiểm tra virus và mycoplasma - Nồng độ endotoxin $\leq 10\text{EU/ml}$ - Nồng độ hemoglobin $\leq 25\text{mg/dL}$ - Lọc 3 lần 0.1μm	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	61.744,00	123.488.000,00	30.872.000
978	G11.13	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi	ml	74.000,00	22.200,00	- Là môi trường với Huyết thanh bào thai (FBS), L-glutamine và phytohemagglutinin (PHA), giúp cho sự phát triển các tế bào lympho máu ngoại vi trong nuôi cấy ngắn hạn, phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào - Nồng độ huyết thanh: Mức tiêu chuẩn.	G7	Thiết bị y tế	33.906,00	2.509.044.000,00	752.713.200

STT	Mã mồi mẫu	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
979	G11.170	Chai nuôi cấy tế bào 175cm ² , nắp vent	cái	1.200,00	-	- Diện tích tế bào phát triển 175cm² - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: chữ U (để cầm nắm và dễ tiếp cận hơn khi thao tác hoặc vận chuyển) - Kiểu nắp: thông khí chứa màng chống thấm nước (tỷ nước) dày 0,2µm, được sản xuất bằng Polysulfone - Kích thước: + Chai dài không có nắp: 18 - 20 cm + Chiều rộng: 10 - 13 cm - Chiều cao (độ sâu của bình): 3 - 5cm - Thể tích trung bình: 35 - 52,5 mL - Tiết trùng - Non-Pyrogenic. - Không gây độc hại theo tiêu chuẩn USP Loại VI	G7	Thiết bị y tế	180.700,00	214.910.000,00	-
980	G11.378	hóa chất để nhuộm gốc	Test	550,00	150,00	Xác định tổng số lượng tế bào gốc màu sống đương tính đồng thời với CD45/CD34, tổng số lượng tế bào gốc CD34 cũng như phân tử nhân tế bào CD34 tương ứng để bào chế cầu sống. Thành phần bộ kit gồm: + Thuốc thử gồm CD45 FITC, clone 2D1, và CD34 PE, clone 8G12 trong dung dịch đệm PBS bao gồm bovine serum albumin (BSA) và 0,1% sodium azide + Thuốc thử 7-aminocacetonmycin-D (7-AAD) + Dung dịch ly giải amoni citrate 10X + Ống Trucount	G7	Thiết bị y tế	707.960,00	389.378.000,00	106.194.000
981	G11.451	Chng lấy mẫu bệnh phẩm HPV	Củi	600,00	-	Bộ test xét nghiệm tế bào cổ tử cung -Có khả năng thực hiện re-testing trên cùng một mẫu và thực hiện các test bổ sung khác mà không cần thêm mẫu. -Phương pháp tự lắp bằng trong hực - 1 bộ bao gồm: + Lọ dung dịch 15ml + Chổi quét tế bào âm đạo + Lam kính	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	150.000,00	90.000.000,00	-

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
982	G11.453	Hóa chất định tính Hemoglobin cho mẫu sơ sinh dùng cho hệ thống phân tích Hemoglobin tự động	test	8.000,00	-	Khả năng thực hiện xét nghiệm: định tính hemoglobins F, A, S, D, C, và E của mẫu trẻ sơ sinh được thu trên giấy thực hiện trên hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC). Thành phần: chứa đầy đủ thành phần cho 1000 xét nghiệm bao gồm: 02 bình 2500 ml sodium phosphate buffer pH 6,5, 01 bình 2500 mL of a sodium phosphate buffer pH 6,6, 02 cốc phân tích kích thước 4,6 mm ID x 30 mm, thực hiện được 500 xét nghiệm mỗi chiếc, 01 bộ đánh dấu thời gian lưu giữ gồm 05 lọ FAES và 05 lọ FADC, 01 bình nước rửa 1800 mL nước khử ion, 01 bộ mẫu mỗi, 01 đĩa CD	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	100.000,00	800.000.000,00	
983	G11.456	Ống ly tâm 2ml	chiếc	3.000,00	-	Vật liệu PP RCF : 30000xg Chiều dài 43 - 48mm, đường kính ống 10 - 15mm Hàm lượng nội độc tố nhỏ hơn < 0,1EU Không pyrogenic, không có DNase / RNase Dung tích sử dụng 2 ml.		Thiết bị y tế	500,00	1.500.000,00	
984	G11.462	Chai nuôi cấy tế bào 10 tầng	Cái	96,00	-	Dùng để nuôi cấy tế bào thủ công Vỏ trong bằng gamma Thiết kế 10 lớp bề mặt phát triển polystyrene liên kết với nhau Được xử lý bề mặt để gắn kết tế bào Thể tích làm việc để xuất: 560mL.	G7	Thiết bị y tế	4.550.000,00	436.800.000,00	
985	G11.470	Túi máu đơn 250ml	Túi	1.060,00	310,00	Hệ thống túi máu dùng một lần bằng PVC, hàn liền khối. Có khả năng thu thập 250ml mẫu toàn phần. - Túi chưa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 để bảo quản mẫu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C ± 2 độ C - Kim lấy máu cỡ 16G - Kích thước túi chính: cao 130 ± 5 mm, chiều rộng bên trong 120 ± 5 mm Dây lấy máu dài 980 ± 40mm, đường kính trong 3,0 ± 0,1mm, đường kính ngoài 4,4 ± 0,1mm (tương ứng với độ dày thành ống = (đường kính ngoài - đường kính trong)/2 là 0,7mm), có 12 đoạn mã số, mã số được in bằng laser. - Sục bên của túi: Túi chịu lực ly tâm 5000g trong 10 phút, chịu áp lực 0,7kg/cm2 trong 10 phút, bền nhiệt độ trong khoảng -80 độ C tới 37 độ C ± 2 độ C.	Không yêu cầu	Thiết bị y tế	44.000,00	46.640.000,00	13.640.000
986	G11.136	Tips 1000ul có màng lọc, giảm bám dính	Cái	7.104,00	2.112,00	Đầu cùn có lọc 1000ul, đã khử trùng Độ dài 80 -90 mm Lọc làm từ chất liệu polyethylene nguyên chất, kỵ nước. Có chứa vach Không chứa RNase, DNase, Pyrogen, PCR inhibitor và kim loại	G7	Không phải TBYT	2.345,00	16.638.880,00	4.952.640

STT	Mã mới tham	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thiêu sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thanh tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
987	G11.137	Tips 200ul có màng lọc, giảm bám dính	Cái	23.808,00	7.104,00	Đầu cồn có lọc 200ul, đã khử trùng Độ dài 50-60 mm Lọc làm từ chất liệu polystyrene nguyên chất, kỵ nước, chất lượng cao Có chứa vách Không chứa RNase, DNase, Pyrogen, PCR inhibitor và kim loại	G7	Không phải TBYT	2.573,00	61.257.984,00	18.278.592
988	G11.389	Kit tách mẫu DNA tự động	test	1.824,00	480,00	Bộ kit sử dụng để tách chiết nucleic acid tự động Công suất: >32 mẫu lần chạy Thành phần: 96 Ống thuốc thử 6 giếng với buffer, 2 giá 8 ống thuốc, 1,5 ml Eutodon buffer chứa RNase-free Water, 1ml Proteinase K, nồng độ 20 mg/ml được bảo quản ở 4°C 24 Strip 8 kênh Thiết bị tương thích: SLA-16/12, SLA-E132 Series	Không yêu cầu	Không phải TBYT	990.000,00	164.160.000,00	43.200.000
989	G11.428	Đầu tip có lọc 10 µL, tiết trùng	Cái	12.672,00	3.744,00	- Thẻ lọc: 10ul - Chất liệu polystyrene - Sách với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen, nội độc tố Endotoxin và Endotoxin ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bio burden. - Chất ức chế PCR, không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml Chiều dài: 45 - 50mm, tiết trùng, độ bám dính thấp. Mẫu trắng trong tự nhiên.	G7	Không phải TBYT	2.573,00	32.603.056,00	9.633.312
990	G11.352.1	Tips 100ul có màng lọc	Cái	3.648,00	-	- Thẻ lọc: 100ul - Chất liệu polystyrene - Sách với: DNA, DNase, RNase, Pyrogen, nội độc tố Endotoxin và Endotoxin ATP, chất ức chế phản ứng PCR và Bio burden. - Chất ức chế PCR, không có - Nội độc tố (Pyrogen) < 0,06 EU/ml Chiều dài: 50 - 55mm, tiết trùng, độ bám dính thấp. Mẫu trắng trong tự nhiên.	G7	Không phải TBYT	2.345,00	8.554.560,00	-
991	G11.15	Dung dịch kháng sinh kháng mầm	ml	400,00	100,00	- Được sử dụng để ngăn ngừa nhiễm vi khuẩn và nấm. - Dung dịch chứa 10.000 units/ml penicillin, 10.000 µg/ml streptomycin, và 25 µg/ml Amphotericin B - Nồng độ: ≥ 100X	G7	Không phải TBYT	15.000,00	6.000.000,00	1.500.000

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
992	G11.167	Chai nuôi cấy tế bào 25cm ² , nắp vent	Cái	1.000,00	200,00	- Diện tích bề bao phát triển 25cm², có một viên chống lật để tăng cường độ ổn định. - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: hình chữ nhật - Bình có nghiêng cho phép rót dễ dàng hơn và cải thiện khả năng tiếp cận bình để hút hoặc cao - Kiểu nắp: thông khí (vented cap) chứa màng chống thấm nước (ky nước) dày 0,2 µm, được sản xuất bằng Polyethylene - Kích thước: + Chai dài có nắp: 9 - 10 cm + Đường kính trong cổ: 1-2 cm + Chiều rộng: 5 - 6 cm + Chiều cao (độ sâu của bình): 2-3 cm - Dung sai: +/- 0,05 in (+/- 0.127cm) - Thể tích trung bình: 5 - 7,5mL - Đã tiệt trùng - Non-Pyrogenic.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	34.460,00	34.460.000,00	6.892.000
993	G11.281	Ống fancel 50ml	Ống	9.000,00	2.500,00	- Thể tích: 50mL - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước đường kính 27 - 30mm, chiều dài 110 - 120mm - Lưu ý tối thiểu: 17.000 - 5g, chịu được nhiệt độ từ -80°C đến 120°C - Có vạch chia thể tích (mỗi 2,5ml một vạch) - Kiểu nắp: nắp phẳng - Kiểu dây: hình nón, đã tiệt trùng - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free	Không yêu cầu	Không phải TBYT	12.350,00	111.150.000,00	30.875.000
994	G11.314	Acid acetic	ml	264.000,00	79.000,00	- Nồng độ: ≥ 99,8 % - Độ pH: 2,5 (50 g/l, H₂O, 20 °C) - Acetaldehyde: ≤ 2 ppm - Acetic anhydride: ≤ 100 ppm - Chloride (Cl): ≤ 0,4 ppm - Phosphate (PO₄): ≤ 0,4 ppm - Heavy metals (as Pb): ≤ 0,5 ppm - Sulfate (SO₄): ≤ 0,4 ppm	G7	Không phải TBYT	1.090,00	287.760.000,00	86.110.000
995	G11.57	Nước dùng cho sinh học phân tử	ml	6.000,00		- Nước chất lượng cao, tiệt trùng, ứng dụng trong sinh học phân tử - Không có RNase, DNase và Protease, thích hợp cho thiết lập phản ứng PCR và các phản ứng sinh học phân tử khác, tách chiết DNA/RNA/Protein, tinh chế và chất thử - Loại bỏ hoàn toàn khả năng có thể xảy ra với các phản ứng enzyme - Được lọc khử trùng qua màng lọc 0.1 µm	G7	Không phải TBYT	1.800,00	10.800.000,00	

STT	Mã mặt thần	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vòng bán thời sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
996	G11.232	Bộ kit tách chiết DNA tổng số từ một loạt các sinh vật bằng phương pháp cột	Test	1.000,00		Mục đích sử dụng: Để tinh lọc DNA từ mẫu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, body coat, tế bào lympho, dịch cơ thể, tế bào nước mắt - Thành phần: Gói ly tâm: 50 chiếc Ống thu mẫu (2 ml): 150 chiếc Dung dịch đệm AL: 12 ml Dung dịch đệm AW1: 19 ml Dung dịch đệm AW2: 13 ml Dung dịch đệm AE: 15 ml Protease: 1 ống Dung môi hoàn nguyên Protease: 1.2 ml	G7	Không phải TBYT	113.400,00	113.400.000,00	-
997	G11.268	Hóa chất phân tích chứa trypsin 2,5%, không có phenol đỏ	ml	1.900,00	500,00	- Không bao gồm: EDTA, Phenol Red - Dải pH 7,1 - 8,0 - Trypsin được làm từ bột trypsin 2,5% - Độ thẩm thấu: 270 - 310 mOsm/kg	G7	Không phải TBYT	22.435,00	42.626.500,00	11.217.500
998	G11.290	Kit xét nghiệm THROMBOPHILIA bằng kỹ thuật realtime pcr	Test	260,00	-	Kit xác định các đột biến bao gồm: FII Prothrombin, FV Leiden, FV Cambridge, FV V1702C, MTHFR 677, MTHFR 1298, MTR 2756, MTRR 66, FXIII, VAI34Leu, Beta-Fibrinogen 455 G>A và PAI-1 4G/5G Đồng gói gồm 8 mix và 01 ống DNA kiểm chứng: TRP-12B Mix 1.400 µl TRP-12B Mix 2.400 µl TRP-12B Mix 3.400 µl TRP-12B Mix 4.400 µl TRP-12B Mix 5.400 µl TRP-12B Mix 6.400 µl TRP-12B Mix 7.400 µl TRP-12B Mix 8.400 µl Control DNA 60 µl.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	839.500,00	218.270.000,00	-
999	G11.293	Định lượng RNA HCV trong huyết thanh bằng kỹ thuật real- time RT-PCR	Test	300,00	50,00	Định lượng RNA HCV trong huyết thanh bằng kỹ thuật real-time RT- PCR với 4 nồng độ chuẩn dương Thành phần hóa chất PCR: - Tris-HCl, pH 8,0, KCl, MgCl2, dNTP: 1 x 350 µL - Hg môi và mẫu do nhân bản vùng gene đặc hiệu cho HCV, chống nội (IQ), TaqMan FAM, HEX: 1 x 280 µL - RT Enzyme & Taq DNA polymerase: 3 x 22 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5 x 10 ² copies/phiên tăng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ³ copies/phiên tăng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ⁴ copies/phiên tăng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ⁵ copies/phiên tăng: 1 x 150 µL - Dung dịch chứa đoạn cDNA HCV nồng độ 5x10 ⁶ copies/phiên tăng: 1 x 150 µL - Nước Nuclease-Free: 1 ml - Tube PCR: 60 cái	Không yêu cầu	Không phải TBYT	230.000,00	69.000.000,00	11.500.000

STT	Mã môi trường	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
1000	G11.300	Bộ kit tách chiết RNA bằng phương pháp cột	Test	250,00	-	Mục đích sử dụng: Để tách chiết RNA vi rút từ huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không có tế bào và chất nổi trên bề mặt nước cây - Thành phần: Cột lọc: 250 chiếc Ống thu hồi 2ml: 750 chiếc Đệm AVL: 155 ml Đệm AW1: 98 ml Đệm AW2: 66 ml Đệm AVE: 20 ml Carrier RNA (poly A): 1550 µg	G7	Không phải BHYT	146.880,00	36.720.000,00	-
1001	G11.315	Methanol	ml	430.000,00	127.500,00	- Hàm lượng: 99,8 %. Water < 0,03 % Là dung môi chất lỏng dùng để chạy máy HPLC	G7	Không phải BHYT	545,00	234.350.000,00	69.487.500
1002	G11.319	Dầu soi kính	Chai	12,00	3,00	- Sử dụng cho các loại kính hiển vi - Độ nhớt ở 20 độ C là 100-120 mpa*s	G7	Không phải BHYT	2.900.000,00	34.800.000,00	8.700.000
1003	G11.359	Thuốc nhuộm CD45 gắn màu FITC	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD45, dòng H130, isotype là Mouse IgG1, κ Chủ thể : Chuột. Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang FITC Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA.	G7	Không phải BHYT	40.410,00	12.123.000,00	-
1004	G11.29	Hóa chất nhuộm tế bào sử dụng với máy đếm tế bào Countess	ml	2,00	-	Hóa chất có các yêu cầu kỹ thuật: - Phù hợp với các thiết bị đếm tế bào tự động Countess - Nồng độ Trypan Blue ≤ 0,4%	Không yêu cầu	Không phải BHYT	956.000,00	1.912.000,00	-
1005	G11.59	Thuốc nhuộm CD90 gắn màu FITC	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng Chủ thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể kháng được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang FITC Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải BHYT	120.860,00	36.258.000,00	-
1006	G11.60	Thuốc nhuộm IgG1, gắn màu FITC	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-21, isotype là Mouse Ig.k Chủ thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang FITC. Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải BHYT	56.470,00	16.941.000,00	-
1007	G11.61	Thuốc nhuộm, gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng dấu ấn CD44, dòng BJ18, isotype là Mouse IgG1.k Chủ thể : Chuột Phản ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE. Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải BHYT	160.430,00	48.129.000,00	-

STT	Mã mìn hầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh tho sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1008	G11.62	Thuốc nhuộm gắn màu APC	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD105, dòng 43A3, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Phân ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang APC Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	165.720,00	49.716.000,00	-
1009	G11.63	Thuốc nhuộm IgG1, gắn màu APC	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOFC-21, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang APC Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	81.270,00	24.381.000,00	-
1010	G11.64	Thuốc nhuộm CD73 (Ecto-5'- nucleotidase) gắn màu PerCP/Cyamine5.5	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD73, dòng AD2, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Phân ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PerCP/Cyamine5.5 Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	195.260,00	58.578.000,00	-
1011	G11.65	Thuốc nhuộm IgG1, κ isotype Coi gắn màu PerCP/Cyamine5.5	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOFC-21, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PerCP/Cyamine5.5 Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	127.180,00	38.154.000,00	-
1012	G11.66	Thuốc nhuộm CD45 gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD45, dòng 2D1, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Phân ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	72.840,00	21.852.000,00	-
1013	G11.67	Thuốc nhuộm CD34 gắn màu PE	test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD34, dòng 581, isotype là Mouse IgG1, κ Chu thể : Chuột Phân ứng với : Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	144.080,00	43.224.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	BVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
1014	G11.168	Chai muối cất tế bảo 75cm ² , nắp vớt	Cái	800,00	200,00	- Diện tích tế bảo phát triển 75cm² - Chất liệu chai: Polystyrene - Kiểu chai: chữ U (dễ cầm nắm và dễ tiếp cận hơn khi tháo hoặc vớt chặt nắp) - Kiểu nắp: thông khí (vented cap) chứa màng chống thấm nước (xy nước) dày 0,2µm, được sản xuất bằng Polyethylene + Chai dài cỡ nắp: 15 - 16cm + Đường kính trong cổ: 2 - 3 cm + Đường kính ngoài của cổ: 2,5 - 3,5 cm + Chiều rộng: 7 - 10 cm + Chiều cao (độ sâu của bình): 3 - 5cm, - Thể tích trung bình: 15 - 22,5 mL - Đã được tiệt trùng bằng tia gamma - Non-Pyrogenic - Không gây độc hại theo tiêu chuẩn USP Loại VI	G7	Không phải TBYT	66.260,00	53.008.000,00	13.252.000
1015	G11.190	Pipet nhựa 2 mL	Cái	6.000,00	1.000,00	- Thể tích hút 2ml, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 28.03cm +/- 0.5cm + Đường kính trong: 0.1 - 0.5cm + Đường kính ngoài của pipet: 0.2 - 0.7cm + Thể tích hút tối đa: 2.2ml - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free.	G7	Không phải TBYT	6.320,00	37.920.000,00	6.320.000
1016	G11.191	Pipet nhựa 5 mL	Cái	5.600,00	1.600,00	- Thể tích hút 5ml, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 34.67cm +/- 0.5cm + Đường kính trong: 0.1 - 0.5cm + Đường kính ngoài của pipet: 0.7 - 0.9cm + Thể tích hút tối đa: 7.5ml - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free.	G7	Không phải TBYT	8.160,00	45.696.000,00	13.056.000
1017	G11.192	Pipet nhựa 10 mL	Cái	6.200,00	1.800,00	- Thể tích hút 10ml, đã được tiệt trùng từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 34cm +/- 0.5cm + Đường kính trong: 0.1 - 0.5 cm + Đường kính ngoài của pipet: 0.7 - 1cm + Thể tích hút tối đa: 13ml - Non-Pyrogenic - RNase-/DNase-free.	G7	Không phải TBYT	8.310,00	51.522.000,00	14.958.000

STT	Mã mới mẫu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1018	G11.193	Pipet nhựa 25 mL	Cái	7.200,00	2.000,00	- Thể tích hút 25mL, đã được tiết trung từng cái - Chất liệu: Polystyrene - Kích thước: + Tổng chiều dài: 34,39cm +/- 0,127cm + Đường kính ngoài của nắp: 9 - 10 cm + Đường kính ngoài của đế: 8 - 9 cm + Chiều cao của đế với nắp: 2 - 3 cm + Khu vực để bảo tăng trọng: 55 cm² + Đường kính bề mặt tăng trọng: 8 - 10 cm - Thể tích mỗi trường trung bình: 11 - 16,5 mL - Sản phẩm được khử trùng - Pyrogenic: Đã được kiểm tra theo tiêu chuẩn ANSI/AMI ST 72 hoặc tương đương. Dải mức chấp nhận của Endotoxins là <= 0,10 EU/ml	G7	Không phải TBYT	12.520,00	90.144.000,00	23.040.000
1019	G11.197	Đĩa nuôi cấy tế bào 100 x 20 mm	Cái	1.000,00	-	- Kích thước đĩa nuôi cấy: 100x20 mm + Chất liệu đĩa và nắp: Polystyrene + Đường kính ngoài của nắp: 9 - 10 cm + Đường kính ngoài của đế: 8 - 9 cm + Chiều cao của đĩa với nắp: 2 - 3 cm + Khu vực để bảo tăng trọng: 55 cm² + Đường kính bề mặt tăng trọng: 8 - 10 cm - Thể tích mỗi trường trung bình: 11 - 16,5 mL - Sản phẩm được khử trùng - Pyrogenic: Đã được kiểm tra theo tiêu chuẩn ANSI/AMI ST 72 hoặc tương đương. Dải mức chấp nhận của Endotoxins là <= 0,10 EU/ml	Không yêu cầu	Không phải TBYT	17.960,00	17.960.000,00	-
1020	G11.218	Thuốc nhuộm CD11b gắn mẫu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD11b, dòng ICRF44, isotype là Mouse IgG1, κ Chú thích: Chuột Phản ứng với: Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	58.050,00	17.415.000,00	-
1021	G11.219	Thuốc nhuộm CD19 gắn mẫu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng CD19, dòng HIB19, isotype là Mouse IgG1, κ Chú thích: Chuột Phản ứng với: Người, các dòng vật linh trưởng Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	34.830,00	10.449.000,00	-
1022	G11.220	Thuốc nhuộm HLA-DR gắn mẫu PE	Test	300,00	-	Kháng thể đơn dòng kháng HLA-DR, dòng L243, isotype là Mouse IgG2a, κ Chú thích: Chuột Phản ứng với: Người Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7,2, 0,09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	87.080,00	26.124.000,00	-

STT	Mã mới thầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
1023	G11.221	Thuốc nhuộm IgG1, κ Isotype Ctrl (FC) gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-21, isotype là Mouse IgG1.k Chủ thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	68.080,00	20.424.000,00	-
1024	G11.222	Thuốc nhuộm IgG2a, κ Isotype Ctrl (FC) gắn màu PE	Test	300,00	-	Kháng thể isotype đơn dòng, dòng MOPC-173, isotype là Mouse IgG2a.k Chủ thể : Chuột Kháng thể được tinh sạch bằng sắc ký ái lực, gắn huỳnh quang PE Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0.09% sodium azide và BSA	G7	Không phải TBYT	70.730,00	21.219.000,00	-
1025	G11.225	Hỗn hợp cấu tử dùng để quán lý chất lượng máy tế bào dòng chảy	ml	6,00	-	Hỗn hợp cấu tử dùng để quán lý chất lượng máy tế bào dòng chảy. Hỗn hợp gồm các vi cầu polystyrene đồng nhất (đường kính 3.0-3.4µm) với 6 mức cường độ huỳnh quang khác nhau. Các vi cầu huỳnh quang có thể được kích thích bởi laser 488nm, 640nm, 405nm và 361nm, có khoảng rộng các bước sóng phát xạ Nồng độ: khoảng 10 ⁶ cấu tử/ml. Sử dụng 1 giọt pha loãng trong 0.5ml đệm để cho kết quả đánh giá đáng tin cậy	Không yêu cầu	Không phải TBYT	10.151.000,00	60.906.000,00	-
1026	G11.226	Dung dịch đệm dùng cho bước rửa trong máy tế bào dòng chảy	ml	1.300,00	-	Dung dịch đệm dùng cho bước rửa trong máy tế bào dòng chảy, tương thích cho máy Novocyte. Dung dịch đệm đặc, cần pha loãng 5 lần để sử dụng	Không yêu cầu	Không phải TBYT	54.720,00	71.136.000,00	-
1027	G11.227	Dung dịch đệm dùng cho bước xả trong máy tế bào dòng chảy	ml	2.000,00	-	Dung dịch đệm dùng cho bước xả trong máy tế bào dòng chảy, tương thích cho máy Novocyte. Dung dịch đậm đặc, cần pha loãng 5 lần để sử dụng	Không yêu cầu	Không phải TBYT	52.200,00	104.400.000,00	-
1028	G11.228	Dung dịch chạy mẫu trong máy tế bào dòng chảy	ml	1.500,00	250,00	Dung dịch chạy mẫu trong máy tế bào dòng chảy, tương thích cho máy Novocyte. Dung dịch đậm đặc, cần pha loãng 100 lần để sử dụng	Không yêu cầu	Không phải TBYT	53.280,00	79.920.000,00	13.320.000
1029	G11.230	Bộ kit phân tích tế bào gốc trung mô ở người	Test	300,00	50,00	Thành phần bao gồm: + PE hMSC Negative Cocktail + PE hMSC Isotype Control Negative Cocktail + hMSC Positive Cocktail + hMSC Isotype Control Positive Cocktail + FITC Mouse Anti-Human CD90 + PE Mouse Anti-Human CD44 + PE Mouse IgG2b, κ Isotype Control + APC Mouse Anti-Human CD73 + PerCP-Cy5.5 Mouse Anti-Human CD105 (Endoglin)	G7	Không phải TBYT	1.650.000,00	495.000.000,00	82.500.000

STT	Mã nuôi cấy	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thanh tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1030	G11.254	Bộ kit tách tế bào đơn nhân từ mô mỡ	Bộ	150,00	45,00	- Mô là sản phẩm: Cell Extraction Kit là bộ sản phẩm dùng để phân tách tế bào đơn từ các mô rắn như mô mỡ. - Đặc tính kỹ thuật: Cell Extraction Kit có hiệu suất trích xuất tế bào cao như sử dụng cơ chế kết hợp giữa enzyme và lực cơ học để phân tách các tế bào đơn từ mô rắn. Hỗn hợp enzyme được thiết kế đặc biệt sử dụng collagenase có độ tinh khiết cao kết hợp với dispase. Sản phẩm đã được đánh giá có hiệu quả phân tách tốt với mô mỡ, mô dây rốn, mô da. Mỗi bộ dùng cụ phù hợp để xử lý đến 50 gram mô. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vô khuẩn (CCFV). - Bộ dụng cụ bao gồm: Package A: Ống Syringe 50 mL, (02 cái); CE Extractor (01 cái); Đầu kim 18G (02 cái); CE Extraction Buffer (01 x chai 25 mL); CE Washing Buffer (01 x chai 100 mL). Package B: SuperDigest (01 x chai 2,5 mL). - Điều kiện bảo quản: Package A: Bảo quản ở nhiệt độ phòng. Package B: Bảo quản ở nhiệt độ: -40oC đến -20oC.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	11.888.000,00	1.783.200.000,00	534.960.000
1031	G11.255	Dung dịch nuôi cấy tăng sinh tế bào gốc trung mô (từ mô mỡ, dây rốn và tủy xương) đông trong môi cấy sơ cấp	ml	11.100,00	3.100,00	- Môi trường nuôi cấy tăng sinh tế bào hiệu suất cao chứa môi đặc tổ hợp hơn 160/ml, không chứa Mycoplasma, đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0 CFU), pH 7,2-8,2. Áp suất thẩm thấu 286-356 (mOsm/kg). Môi trường không chứa và không cần bổ sung huyết thanh bò. - Sử dụng cho nuôi cấy sơ cấp tế bào gốc trung mô từ mô mỡ, mô dây rốn, tủy xương mà không cần bổ sung thêm chất khác.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	86.560,00	960.816.000,00	285.648.000
1032	G11.256	Dung dịch nuôi cấy tăng sinh tế bào gốc trung mô (từ mô mỡ, dây rốn và tủy xương) đông trong môi cấy thứ cấp	ml	29.500,00	8.500,00	- Môi trường nuôi cấy tăng sinh tế bào hiệu suất cao chứa môi đặc tổ hợp hơn 160/ml, không chứa Mycoplasma, đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0 CFU), pH 7,2-8,2. Áp suất thẩm thấu 286-356 (mOsm/kg). Môi trường không chứa và không cần bổ sung huyết thanh bò. - Sử dụng cho nuôi cấy thứ cấp tế bào gốc trung mô từ mô mỡ, mô dây rốn, tủy xương mà không cần bổ sung thêm chất khác.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	43.330,00	1.278.235.000,00	368.305.000
1033	G11.260	Dung dịch tách tế bào đơn	ml	13.200,00	3.900,00	- Dung dịch tách những tế bào có đặc tính bám dính yếu trong nuôi cấy mà không gây tổn thương tế bào, hạn chế tổn hại tác động gây lão hóa tế bào so với trypsin. Dung dịch không chứa protein có nguồn gốc từ động vật. - Môi trường chứa môi đặc tổ hợp hơn 160/ml, không chứa Mycoplasma, đạt chỉ tiêu vô khuẩn (0 CFU), pH 7,0-7,5.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	44.260,00	584.232.000,00	172.614.000

STT	Mã mới thầu	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1034	G11.266	Dung dịch giải đông tế bào	ml	1.100,00	300,00	- Dung để hoạt hoá tế bào gốc sau khi bảo quản đông lạnh; không chứa huyết thanh động vật; không chứa protein có nguồn gốc động vật - Sử dụng ngay mà không cần bổ sung thêm bất cứ chất nào khác. - Dung dịch vô khuẩn (0 CFU), không chứa mycoplasma, nội độc tố thấp hơn 0.5 EU/ml, pH 6.5-7.4.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	19.500,00	21.450.000,00	5.850.000
1035	G11.271	Chai vận chuyển mô dây rốn	cái	432,00	120,00	- Thể tích: 150ml, tiết trùng - Vật liệu: polystyrene - Nắp polyetylen 45 mm - Sản phẩm được tiết trùng - Nonpyrogenic.	G7	Không phải TBYT	74.260,00	32.080.320,00	8.911.200
1036	G11.272	Màng lọc vi sinh 0,2um	Cái	700,00	200,00	- Đường kính màng: 28mm, tiết trùng - Kích thước lỗ lọc: 0.2um - Màng xenlulo acetat (SECA) không chứa chất hoạt động bề mặt cùng cấp liên kết protein thấp nhất - Pyrogenic: Đã được kiểm tra, đạt mức chấp nhận của Endotoxins là ≤ 0.10 EU/ml	G7	Không phải TBYT	87.310,00	61.117.000,00	17.462.000
1037	G11.273	Dung dịch bảo vệ lạnh cho tế bào, có nguồn gốc từ Máu cường rốn, Máu ngoại vi, tủy xương, các mô và tế bào sinh học khác	ml	3.000,00	900,00	• Chứa Dimethyl Sulfoxide • Là một dung dịch bảo quản lạnh cho các tế bào gốc có nguồn gốc từ Máu cường rốn, Máu ngoại vi, tủy xương, các mô và tế bào sinh học khác. • Đạt chuẩn USP hoặc tương đương. PhEur, DMSO > 99.9%. • Hỗ trợ khả năng sống sót của tế bào cao.	G7	Không phải TBYT	46.890,00	140.670.000,00	42.201.000
1038	G11.274	Dung dịch nuôi dưỡng tế bào, hỗ trợ ổn định protein	ml	3.000,00	900,00	- Dung để bảo quản đông lạnh và hỗ trợ ổn định protein - Chất lượng dùng cho Y được. - Độ tinh sạch cao - Đạt tiêu chuẩn cGMP - Trọng lượng trung bình MW 40.000 - Nồng độ tế thấp <1,0 EU/ml - Độ pH: 4,5-5,9 - Đã lọc vô trùng - Bảo quản: 2-8°C, tránh ánh sáng trực tiếp - Độ ổn định: 24 tháng kể từ ngày sản xuất	G7	Không phải TBYT	48.020,00	144.060.000,00	43.218.000
1039	G11.276	Túi bao ngoại băng nhựa dùng trong hệ thống lưu trữ tế bào gốc máu cường rốn	Cái	1.152,00	256,00	• Lamin bằng nhựa Teflon FEP film, chịu được nhiệt độ dưới -195oC (trong điều kiện như lỏng), được thiết kế chuyên bảo vệ túi freezing bag chứa tế bào gốc. • Kích thước overwrap phù hợp với bất kỳ loại canister nào của hệ thống lưu trữ tế bào gốc trong như lỏng. • Siêu bền trong và chặm (trong quá trình vận chuyển mẫu)	G7	Không phải TBYT	331.000,00	381.312.000,00	84.736.000

STT	Mã mới đầu	Tên Hàng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vàng lãnh (thủ sản xuất)	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1040	GI1.277	Hộp (Case) bảo vệ tủ lau (trống) lạnh tế bào gốc màu trắng	Cái	640,00	192,00	- Hộp bảo vệ cho tủ đông lạnh màu trắng (tủ) với thể tích 25mL. - Kích thước bên trong: 91 mm / 77 mm / 9 mm (W / L / H), chất liệu: nhôm, đánh bóng, dày 0,6 mm - Kích thước bên ngoài: 95 mm / 84 mm / 11 mm (W / L / H), chất liệu: nhôm, đánh bóng, dày 0,6 mm	G7	Không phải TBVT	581.000,00	371.840.000,00	111.552.000
1041	GI1.312	Hộp chất xét nghiệm Mycoplasma	Test	420,00	120,00	Kit xác định Mycoplasma. Thành phần: + 3 x 1,2 mL (Iyophilized) + 3 x 1,2 mL (Iyophilized) + 3 x 3 mL Assay Buffer)	G7	Không phải TBVT	700.200,00	294.084.000,00	84.024.000
1042	GI1.313	Hộp chất làm đối chứng xét nghiệm Mycoplasma	Test	50,00	10,00	Chung dương cho kit xác định Mycoplasma Thành phần: + 1 x 1mL Assay Control (Iyophilized) + 1 x 2 mL Assay Buffer	G7	Không phải TBVT	809.460,00	40.471.000,00	8.094.600
1043	GI1.361	Dung dịch nhuộm tế bào dùng cho định danh MISC trên máy đếm dòng chảy	mL	1.500,00	-	Dye sử dụng để phân loại kháng thể và sử dụng trong bước rửa, khi in cho quy trình nhuộm huyền phù quang miễn dịch. Thành phần chứa huyết thanh bê lan chất mang protein, giảm các liên kết không đặc hiệu giữa kháng thể và tế bào đích. Chưa chứa các chất gây ức chế quá trình tạo đối chất như sodium azide (NaN ₃), không chứa bovin.	G7	Không phải TBVT	8.860,00	13.290.000,00	-
1044	GI1.380	Dung dịch vận chuyển mầm (mô mô, cường tồn, mô da)	mL	21.500,00	6.000,00	- Dung dịch vận chuyển mầm như mô mỡ, cường tồn, mô da trong quá trình sản xuất các sản phẩm tế bào. - Dung dịch vô khuẩn, không chứa mycoplasma, nội độc tố ≤ 1EU/mL, pH 7,0-7,8	Không yêu cầu	Không phải TBVT	8.880,00	190.920.000,00	53.280.000
1045	GI1.382	Bộ học bào trí máy tế bào dòng chảy	Cái	30,00	-	Bộ học bào trí, sử dụng cho máy tế bào dòng chảy, đóng gói 1 hộp bao gồm: - Lọc cho chất lỏng chảy máy đầu vào: 6 cái - Lọc cho chất lỏng xả đầu vào: 6 cái - Lọc cho chất lỏng rửa đầu vào: 6 cái - Lọc cho chất thải: 6 cái - Lọc cho chất lỏng chảy máy: 6 cái Vật liệu: Bộ học Polypropylene, màng Polyester, tương thích với máy tế bào dòng chảy Novocyte hoặc tương đương.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	1.500.300,00	45.009.000,00	-

STT	Mã mồi thấu	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thủ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1046	G11.385	Dung dịch nhuộm sống chết	Test	1.000,00	-	Thuốc nhuộm 7-AAD (7-amino-actinomycin D) được sử dụng để phân tích DNA và phân biệt các tế bào chết trong quần thể bằng phần tích đông chảy tế bào. 7-AAD có thuốc tính liên kết với DNA và không nhuộm được các tế bào nguyên vẹn. Khi được kích thích bởi laser 488nm, 7-AAD có thể được phát hiện ở dải đỏ xa (bộ lọc thông dải hơn 650nm)	G7	Không phải TBYT	6.490,00	6.490.000,00	-
1047	G11.411	Màng nhựa đựng hóa chất 50ml	cái	1.000,00	200,00	- Màng đựng hóa chất 50ml, dùng được cho các pipet đa kênh - Chất liệu: polystyrene, màu trắng - Chứng chỉ: Non-Pyrogenic, DNase/RNase Free - Sản phẩm đã được khử trùng	G7	Không phải TBYT	21.960,00	21.960.000,00	4.392.000
1048	G11.414	Giá đỡ chữ V	cái	250,00	-	Đĩa 96 giếng đáy chữ V, đóng gói từng chiếc, tổng thể tích 320 µL Chất liệu: Polystyrene Thế tích làm việc khuyến nghị từ 75 đến 200 µL Diện tích tăng trưởng tế bào 0,3 - 0,5 cm²	G7	Không phải TBYT	134.550,00	33.637.500,00	-
1049	G11.420	Kit Phát hiện và định typ gene vacA-cagA của H. Pylori	test	100,00	-	Phát hiện và định typ gene vacA-cagA của H. Pylori trong mẫu sinh thiết dạ dày bằng kit thuật realtime PCR Thành phần: MasterMix A, PrimobMix A, MasterMix B, PrimobMix B, Chung dương, Chung âm, Tube PCR Giới hạn phát hiện 50% (LOD50): 10-20 bản sao/phần ứng.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	199.100,00	19.910.000,00	-
1050	G11.423	Dung dịch bảo quản tế bào/ mô không DMSO	ml	300,00	-	Dung dịch bảo quản tế bào/mô không chứa DMSO. Nội độc tố ≤ 0,5 EU/ml, âm tính với mycoplasma, đạt vô khuẩn (OCFU), pH nằm trong khoảng 6,5-7,4.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	689.250,00	206.775.000,00	-
1051	G11.424	Dung dịch rá đông tế bào sau đông lạnh bằng môi trường bảo quản tế bào không chứa DMSO	ml	800,00	-	Dung dịch rá đông tế bào sau đông lạnh bằng môi trường bảo quản không chứa DMSO. Nội độc tố ≤ 0,25 EU/ml, âm tính với mycoplasma, đạt vô khuẩn (OCFU).	Không yêu cầu	Không phải TBYT	21.490,00	17.192.000,00	-
1052	G11.279	Hộp đựng ống bảo quản mẫu 2ml, 81 vị trí	Cái	80,00	-	Chất liệu như Polypropylen (PP) Kích thước: chiều dài 130 - 141 mm, chiều rộng 130 - 141 mm, chiều cao 30 - 40 mm	Không yêu cầu	Không phải TBYT	75.500,00	6.040.000,00	-
1053	G11.108	Kit phát hiện HSV1/2 bằng qPCR	Test	100,00	-	- Phát hiện DNA của 3 tác nhân vi sinh lây truyền qua đường tình dục trong các mẫu dịch sinh dục và nước tiểu bằng phương pháp Real-time PCR: Herpes simplex virus 1 (HSV-1), Herpes simplex virus 2 (HSV-2), Gardnerella vaginalis (GV) - Thành phần: MasterMix, PrimobMix, Chung âm, Chung dương - Giới hạn phát hiện (LOD50): 3-10 copies/phần ứng.	Không yêu cầu	Không phải TBYT	148.500,00	14.850.000,00	-

STT	Mã nội đầu	Tên Hàng hóa	DVT	Số lượng kế hạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thủ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1054	G11.267	Giema	ml	11.000,00	3.000,00	- Dung dịch chứa azur Diazure II-sosin/methylene blue, theo tỉ lệ tương đương là 1:12,2 tương hỗn hợp glycerol/methanol theo tỉ lệ thể tích là 3:24. - Phù hợp với các chủng vi sinh: Chlamydia spp., Histoplasma spp., Plasmodium spp., Treponemas spp., bacteria, protozoa, spirochetes	Châu Âu	Không phải TBYT	10.207,00	112.277.000,00	30.621.000
1055	G11.33	Hóa chất định lượng nội độc tố	Test	960,00	240,00	Hóa chất phát hiện nội độc tố có các yêu cầu kỹ thuật sau: • Không phát hiện từ 0,01 EU/ml, đến 1 EU/ml. • Không bị ảnh hưởng bởi D-glucan, thích hợp với nhiều loại mẫu • Thời gian thực hiện ≤ 20 phút • Phù hợp với thử nghiệm end-point sử dụng máy đọc đĩa với bước sóng 405-410 nm	Không yêu cầu	Không phải TBYT	251.466,00	241.407.360,00	60.351.840
1056	G11.198	Ông 5 ml dây tròn	Cái	4.000,00	1.000,00	- Thể tích: 5ml, dây tròn - Chất liệu ống: Polypropylene nguyên chất - Chiều dài ống: 70 - 80mm - Đường kính ngoài: 10 - 12 mm - Không chứa DNase/Rnase - RFC tối đa: 1400 xg - Không chứa nội độc tố, kết quả kiểm tra nồng độ nội độc tố ≤ 0,1 EU/ml - Không chứa DNase/RNase	Không yêu cầu	Không phải TBYT	5.860,00	23.440.000,00	5.860.000
1057	G11.265	Dung dịch bảo quản mỡ, tế bào	ml	3.700,00	1.100,00	- Mỗi tương bảo quản tế bào/mỡ bằng phương pháp đông lạnh Nồng độ từ ≤ 1,0 EU/ml, ổn định với mycoplasma, đại vi khuẩn (OCFU), pH nằm trong khoảng 6,5-7,4	Không yêu cầu	Không phải TBYT	201.870,00	746.919.000,00	222.057.000
1058	G11.360	Màng lọc vô khuẩn	Cái	400,00	100,00	Màng lọc tế bào kích thước từ lọc 70µm Khuang polypropylene Tuyệt trùng, không chứa nội độc tố. - Thiết kế bàn nhua - Bề mặt giảm bám dính tế bào và protein - Có thể được đông lạnh trong nitơ lỏng, hoặc trong heat sealed để lưu trữ - Chất liệu LDPE - Thể tích: 3ml - Có vết chia thể tích: 1, 2, 3 ml. - Chiều dài: 14 - 18 cm - Không thể trùng	Không yêu cầu	Không phải TBYT	96.820,00	38.728.000,00	9.682.000
1059	G11.452	Pipet transfer 3ml không tiếp trùng	cái	36.500,00	10.500,00	- Thiết kế bàn nhua - Bề mặt giảm bám dính tế bào và protein - Có thể được đông lạnh trong nitơ lỏng, hoặc trong heat sealed để lưu trữ - Chất liệu LDPE - Thể tích: 3ml - Có vết chia thể tích: 1, 2, 3 ml. - Chiều dài: 14 - 18 cm - Không thể trùng	G7	Không phải TBYT	1.100,00	40.190.000,00	11.550.000
1060	G11.454	Dung dịch hạn chế sự tạo hóa củi tế bào	ml	32.000,00	9.500,00	- Dung dịch của tế bào giúp ngăn ngừa sự tạo hóa tế bào trong suốt quá trình nuôi cấy - Nồng độ từ ≤ 1,0 EU/ml, ổn định với mycoplasma, đại vi khuẩn (OCFU), pH nằm trong khoảng 7,7-8,2	Không yêu cầu	Không phải TBYT	6.450,00	206.400.000,00	61.275.000
1061	G11.457	Dung dịch đệm cho nhuộm mảnh dịch huyết quang	ml	1.500,00	-	Thành phần: dung dịch muối trung tính được bổ sung huyết thanh thỏ bò đã bất hoạt. Tồi ru hóa tin hiệu huyết quang cũng như duy trì khả năng sống của tế bào	Không yêu cầu	Không phải TBYT	12.419,00	18.628.500,00	-

STT	Mã mới thừa	Tên Hãng hóa	DVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VND)
1062	G11.458	Đĩa 96 giếng đáy phẳng	Cái	400,00	-	- Đĩa 96 giếng, đáy phẳng, màu trắng, không nắp - Bề mặt polystyrene, kỵ nước - Có khả năng liên kết khoảng 100 đến 200ng IgG/cm2 - Giảm nhiễu xuyên âm từ giếng đến giếng - Tổng thể tích là 360 µL, thể tích làm việc từ 75 đến 200 µL.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	120 000,00	48 000 000,00	-
1063	G11.459	Đầu tip 1000ul	Cái	3 000,00	-	- Thể tích hút: 100 - 1000 µL - Vật liệu: Polypropylene - Kích thước: dài 70 -75 mm - Có vạch chia 250, 500 và 1 000 µL - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, RNase-/DNase-free.	Không yêu cầu	Không phải TBVT	700,00	2 100 000,00	-
1064	G11.460	Đầu tip 200ul	Cái	3 000,00	-	- Thể tích hút: 1 - 200 µL - Vật liệu: Polypropylene - Kích thước: dài 50 - 55mm - Chứng chỉ: Nonpyrogenic, Human DNA-free, RNase-/DNase-free, không chứa chất gây ức chế PCR - Có thể hấp tiệt trùng ở 121°C và 15 psi trong 15 phút	G7	Không phải TBVT	278,00	834 000,00	-
1065	G11.177	Tuýp bảo quản mẫu 2 mL	Cái	4 000,00	1 000,00	- Thể tích: 2ml - Chất liệu ống: Virgin Polypropylene - Từ đóng, đáy tròn, nắp ren ngoài - Chất liệu nắp: Polypropylene - Chất liệu vòng đệm: Silicone - Kích thước: - Chiều dài ống và nắp 3 -5 cm - Đường kính của ống: 1 -3 cm - Chịu được nhiệt độ âm sâu -196°C - Sản phẩm đã được kiểm tra không chứa: RNase/DNase. - Không gây độc tế bào theo tiêu chuẩn USP Class VI - Tiệt trùng, mức đảm bảo vô trùng (SAL) tối thiểu là 10-5	Không yêu cầu	Không phải TBVT	14 820,00	59 280 000,00	14 820 000
1066	G11.464	Acetonitrile hypergrade for LC-MS	ML	30 000,00	-	- Độ tinh khiết (GC) ≥ 99.97 % - Độ đồng nhất (IR) - Cần bay hơi ≤ 1,0 mg/l - Nước ≤ 0,01 % - Màu ≤ 10 Hazen - Độ axit ≤ 0,0001 meq/g - Độ kiềm ≤ 0,0002 meq/g - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 10 ppb - Fe (Sắt) ≤ 10 ppb - K (Kali) ≤ 5 ppb - Mg (Magie) ≤ 10 ppb - Na (Natri) ≤ 50 ppb - Kim loại khác (ICP-MS) ≤ 5 phần trăm	Không yêu cầu	Không phải TBVT	3 600,00	108 000 000,00	-

STT	Mã mẫu tham	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thô sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1067	G11.465	Nước dùng cho sắc ký	ML	225.000,00	-	Nước dùng cho sắc ký: - Độ dẫn điện ở 25 °C (tại thời điểm sản xuất) ≤1 µS/cm - Al (Nhôm) ≤10 ppb - Ca (Canxi) ≤100 ppb - Fe (Sắt) ≤5 ppb - K (Kal) ≤10 ppb - Mg (Magie) ≤20 ppb - Na (Natri) ≤200 ppb - Kim loại nào khác (CuPbMS) ≤5 ppb	Không yêu cầu	Không phải TBVT	390,00	87.750.000,00	-
1068	G11.466	Methanol hypergrade for LC-MS	ML	96.000,00	-	- Độ tinh khiết (GC) ≥ 99,97 % - Độ đông nhớt (IR) Phải hợp - Carbon ben ≤ 1,0 mg/l - Nước ≤ 0,01 % - Độ axit ≤ 0,0002 meq/g - Độ kiềm ≤ 0,0002 meq/g - Al (Nhôm) ≤ 10 ppb - Ca (Canxi) ≤ 10 ppb - Fe (Sắt) ≤ 10 ppb - K (Kal) ≤ 5 ppb - Mg (Magie) ≤ 10 ppb - Na (Natri) ≤ 100 ppb	Không yêu cầu	Không phải TBVT	2.400,00	230.400.000,00	-
1069	G11.467	Tips 20-1000ul	Chiếc	6.000,00	-	- Chiều dài: 55 mm - Thể tích: 20 - 300 µL - Vật liệu: polypropylene, chịu được nhiệt độ từ +120 đến -190°C - Có thể hấp phụ tương ở 121°C - Được làm từ nhựa nguyên sinh, không có chất thải từ nhựa ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm (cung cấp chứng chỉ vật liệu nhựa nguyên sinh)	G7	Không phải TBVT	2.100,00	12.600.000,00	-
1070	G11.468	Tips 50-1000ul	Chiếc	6.000,00	-	- Chiều dài: 71 mm - Thể tích: 50 - 1000 µL - Vật liệu: polypropylene, chịu được nhiệt độ từ +120 đến -190°C - Có thể hấp phụ tương ở 121°C - Được làm từ nhựa nguyên sinh, không có chất thải từ nhựa ảnh hưởng đến kết quả thí nghiệm (cung cấp chứng chỉ vật liệu nhựa nguyên sinh)	G7	Không phải TBVT	2.100,00	12.600.000,00	-

STT	Mã mời thầu	Tên Hãng hóa	ĐVT	Số lượng kế hoạch	Số lượng tùy chọn mua thêm	Yêu cầu kỹ thuật	Vùng lãnh thổ sản xuất	Phân loại hàng hóa	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Giá trị tùy chọn mua thêm (VNĐ)
1071	G11.469	Bộ hòa chất dùng trong xét nghiệm đếm tế bào NK	Test	660,00	175,00	- Cocktail 6 màu TBNK của người, dòng SK7, 5.1H11, B73.1, 2D1, SK3, S123C1, SK1, isotype là Chuột IgG1, K - Loạt cocktail này nhằm phân biệt và xác định thành phần của Tế bào T, Tế bào B, Tế bào NK và Tế bào NKT. - Cocktail chứa CD3-PTC, CD36-PE, CD16-PE, CD45-PerCP/Cyamine5.5, CD19-APC, CD8-APC/Fire™ 750, CD4-PE/Cyamine7. - Chủng tế: Chuột - Phản ứng với: Người và BSA - Hòa tan trong dung dịch đệm phosphate pH7.2, 0,09% sodium azide - Tất cả các kháng thể được tinh chế bằng sắc ký ái lực và liên hợp - Ứng dụng: Phân tích tế bào dòng chảy (FC) - Bảo quản: 2 ° C - 8 ° C; tránh sáng, không trữ đông	G7	Không phải BHYT	1.010.600,00	666.996.000,00	176.855.000

